PHẬT THUYẾT TU LẠI KINH

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 328

Hán dịch: Sa môn Bạch Diên
Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyên Tánh & Nguyên Hiển
Việt dịch: Thích Nữ Tuệ Quảng (12-2006)
Biên tập : Thích Phước Nghiêm

Tuệ Quang Wisdom Light Foundation
PO Box 91748, Henderson, NV 89009
Website http://www.daitangvietnam.com
Email info@daitangvietnam.com

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION http://www.daitangvietnam.com
Nguyên Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyên Hiển Trần Tiễn Huyến Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 21:49:06 2006
==========

經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 328**《佛說須賴經》**

Kinh văn tư tấn 】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 328《Phật thuyết Tu Lại Kinh 》

Kinh văn tư tấn 】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 328《Phật nói đợi cậy nhờ Kinh 》

版本記錄】CBETA **電子佛典** V1.8 (UTF-8) **普及版，完成日期**：2004/11/14

bản bổn kí lục 】CBETA điện tử Phật Điển V1.8 (UTF-8) phổ cập bản , hoàn thành nhật kỳ ：2004/11/14

bản gốc kí lục 】CBETA điện tử Phật Điển V1.8 (UTF-8) khắp cùng bản , hoàn thành ngày ：2004/11/14

編輯說明】本資料庫由中華電子佛典協會 (CBETA**) 依大正新脩大藏經所編輯**

biên tập thuyết minh 】bổn tư liệu khố do Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) y Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh sở biên tập

biên tập thuyết minh 】gốc tư liệu kho bởi Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) nương Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh biên tập

【原始資料】蕭鎮國大德提供，北美某大德提供，CBETA **自行掃瞄辨識**

【nguyên thủy tư liệu 】Tiêu-Trấn-Quốc Đại Đức đề cung , Bắc-Mỹ-Mỗ Đại Đức đề cung , CBETA tự hành tảo miểu biện thức

【nguyên thủy tư liệu 】Tiêu-Trấn-Quốc Đại-Đức đề cung , Bắc-Mỹ-Mỗ Đại-Đức đề cung , CBETA tự hành quét ngắm phân tích thức

【其它事項】本資料庫可自由免費流通，詳細內容請參閱【中華電子佛典協會資料庫基本介紹】
(http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm)

【kỳ tha sự hạng 】bổn tư liệu khố khả tự do miễn phí lưu thông , tường tế nội dung thỉnh tham duyệt 【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tư liệu khố cơ bổn giới thiệu 】(http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm)

【kỳ tha sự hạng 】gốc tư liệu kho có thể tự do miễn phí lưu thông , rõ ràng nhỏ nội dung thỉnh tham duyệt 【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tư liệu kho nền nhà gốc giới thiệu 】(http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm)

==========
==========
==========

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 328 **佛說須賴經**
Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 328 Phật thuyết Tu Lại Kinh
Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 328 Phật nói đợi cậy nhờ Kinh

CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.8 (UTF-8) Normalized Version, Release Date: 2004/11/14
CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.8 (UTF-8) Normalized Version, Release Date: 2004/11/14
CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.8 (UTF-8) Normalized Version, Release Date: 2004/11/14
Distributor: Chinese Buddhist Electronic Text Association (CBETA)
Distributor: Chinese Buddhist Electronic Text Association (CBETA)
Distributor: Chinese Buddhist Electronic Text Association (CBETA)
Source material obtained from: Text as provided by Mr. Hsiao Chen-Kuo, Text as provided by Anonymous, USA, CBETA OCR Group
Source material obtained from: Text as provided by Mr. Hsiao Chen-Kuo, Text as provided by Anonymous, USA, CBETA OCR Group
Source material obtained from: Text as provided by Mr. Hsiao Chen-Kuo, Text as provided by Anonymous, USA, CBETA OCR Group
Distributed free of charge. For details please read at http://www.cbeta.org/result/cbintr_e.htm
Distributed free of charge. For details please read at http://www.cbeta.org/result/cbintr_e.htm
Distributed free of charge. For details please read at http://www.cbeta.org/result/cbintr_e.htm

==========

==========

==========

Thích Nữ Tuệ Quảng hiệu đính

No. 328 [Nos. 310(27), 329]

佛說須賴經

Phật thuyết Tu Lại Kinh

Phật Thuyết Tu Lại Kinh

曹魏西域沙門白延於洛陽白馬寺譯

Tào Ngụy Tây Vực Sa-môn Bạch Diên ư Lạc Dương Bạch Mã tự dịch.

Sa-môn Bạch Diên người Tây Vực sang Lạc Dương dịch tại chùa Bạch Mã vào đời Tào Ngụy

聞如是。一時佛在舍衛國祇樹給孤獨園。

Văn như thị。nhất thời Phật tại Xá-vệ quốc Kì-thọ Cấp-cô-độc viên。

Nghe như vầy, một thuở nọ, đức Phật ở nước Xá-vệ, vườn cây Kỳ-đà và Cấp-cô-độc,

與大比丘眾千二百五十人及五千菩薩俱。

dữ đại bỉ khâu chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân cập ngũ thiên Bồ-tát câu。

cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị và năm ngàn vị đại Bồ-tát cùng đến hội họp.

爾時舍衛城中有極貧者名曰須賴。

nhĩ thời Xá-vệ thành trung hữu cực bần giả danh viết Tu Lại,

Lúc bấy giờ trong thành Xá-vệ có một người hết sức nghèo khó, tên là Tu Lại,

得堅固志不可轉移。信佛法眾身歸三尊。

đắc kiên cố chí bất khả chuyển di。tín Phật Pháp chúng thân quy tam tôn。

có lòng tin rất kiên cố không thể thay đổi đối với Phật Pháp, quy y Tam Bảo,

奉持淨戒修行十善。有四等心救濟不倦。

phụng trì tịnh giới tu hành Thập thiện。hữu tứ đẳng tâm cứu tế bất quyện。

giữ gìn tịnh giới, tu hành thập thiện, đạt đến Bốn tâm vô lượng, cứu giúp mọi người không từ mệt nhọc.

內性清淨我樂無二。至意求佛無上大道。

nội tánh thanh tịnh ngã lạc vô nhị。chí ý cầu Phật vô thượng Đại đạo。
Nội tâm của ông rất thanh tịnh, ngã lạc không hai, chỉ cầu đạt đến đại đạo Vô Thượng của Phật.

思惟所行晝夜誦習。以善方便導利人物。安貧自守以法為樂。

tư duy sở hạnh trú dạ tụng tập。dĩ thiện phương tiện đạo lợi nhân vật。an bần tự thủ dĩ Pháp vi lạc。
Tu Lại luôn suy nghĩ về sở hạnh và ngày đêm tu tập, luôn lấy điều thiện làm phương tiện lợi người và vật, lấy sự an bần làm niềm vui thích.

於是天帝釋以天眼見須賴功德殊妙。

ư thị Thiên Đế-thích dĩ Thiên nhãn kiến Tu Lại công đức thù diệu。
Vì vậy, trời Đế-thích dùng Thiên nhãn thấy Tu Lại có công đức rất thù thắng,

所聞不惑博覽眾經。無有邪行坐起安庠。

sở văn bất hoặc bác lãm chúng Kinh。vô hữu tà hành tọa khởi an tường。
chỗ nghe các Kinh không còn nghi ngại mà rất rộng rãi, không có tà hạnh, ngồi đứng nghiêm trang,

行止臥覺不失儀法。少欲易足不貪利養。

hành chỉ ngọa giác bất thất nghi Pháp。thiểu dục dịch túc bất tham lợi dưỡng。
đi lại nằm ngồi thường trong chánh niệm tỉnh giác, không mất uy nghi, ít muốn biết đủ, chẳng tham lợi dưỡng.

質直善說言信不華。齋戒省約食節衣菅。

chất trực thiện thuyết ngôn tín bất hoa。trai giới tỉnh ước thực tiết y gian。
Tu Lại chỉ nói lời chân thật không điêu ngoa, giữ gìn trai giới, áo mặc bằng cỏ,

樹葉為器茅草為席。不畜遺除無所藏積。

thụ diệp vi khí mao thảo vi tịch。bất súc di trừ vô sở tạng tích。
lấy lá cây làm đồ dùng, cỏ tranh làm chiếu nằm, không cần cất chứa nên cũng không có chỗ để tàng trữ,

國王人民莫不敬愛。常以晝夜各三詣佛諮受法信。

Quốc Vương nhân dân mạc bất kính ái。thường dĩ trú dạ các tam nghệ Phật ti thọ Pháp tín。
Đức Vua và nhân dân trong nước không ai không mến kính ông, thường ngày đêm ba lần tìm đến Phật để cầu pháp.

佛知其意輒與相見。須賴每詣佛時。

Phật tri kỳ ý triếp dữ tướng kiến。Tu Lại mỗi nghệ Phật thời。
Đức Phật biết được điều ấy nên cũng muốn được diện kiến. Mỗi khi Tu Lại đến chỗ của Phật,

無數百人常從與俱。其所遊至臥起經行。天人營護。

vô sổ bách nhân thường tòng dữ câu。kỳ sở du chí ngọa khởi kinh hành。Thiên Nhơn doanh hộ。
lại có hàng trăm người cùng đến tụ hội, đến nơi chỗ ấy để đi kinh hành và được trời người ủng hộ.

天帝釋自念言。是仁者戒行純備。

Thiên Đế-thích tự niệm ngôn。thị nhân giả giới hành thuần bị。
Trời Đế-thích tự nghĩ rằng: Đây là một bậc tu hành có giới đức đầy đủ,

恐子將奪我處。當下試知審求何道。釋便化作數人。

khủng tử tướng đoạt ngã xử。đương hạ thí tri thẩm cầu hà đạo。thích tiện hóa tác sổ nhân。
(sinh tâm) sợ sau này sẽ chiếm đoạt vị thế của ta. Nghĩ như vậy xong, rồi suy xét tìm kế, bèn nghĩ cách làm thế nào để hóa ra một số người

蹴罵須賴言無忌諱。又以石擲捶杖加之於須賴。

xúc mạ Tu Lại ngôn vô kị húy。hựu dĩ thạch trịch chúy trượng gia chi ư Tu Lại。
đi theo sau Tu Lại để mắng chửi không thiếu lời nào, lại còn dùng đá ném, dùng gậy đánh vào Tu Lại.

須賴忍力慈仁不瞋不怨。釋便化作數人。

Tu Lại nhẫn lực từ nhân bất sân bất oán。thích tiện hóa tác sổ nhân。
Tu Lại vẫn cố đem lòng từ nhẫn chịu không sân, cũng chẳng một lời thán oán. Đế-thích bèn hóa ra một số người,

謂須賴言。仁實見在我謂為卿殺之何如。

vị Tu Lại ngôn。nhân thật kiến tại ngã vị vi khanh sát chi hà như。
nói với Tu Lại rằng: Chúng tôi cố hãm hại ông, sao ông lại có lòng nhân từ và chân thật với chúng tôi như vậy?

須賴答言。子所謀者非善法也。

Tu Lại đáp ngôn。tử sở mưu giả phi thiện Pháp dã。
Tu Lại đáp rằng: Các ông mưu tính nên không phải thiện pháp vậy.

正使彼人刀割我身尚無恨意。況但撾罵。所以者何。

chánh sử bỉ nhân đao cát ngã thân thượng vô hận ý。huống đãn qua mạ。sở dĩ giả hà。
Giả sử các người có dùng dao để cắt xẻ thân ta, ta cũng không bao giờ sân giận huống là chỉ mắng chửi ta. Vì sao như vậy?

夫罪福有二果。種福者生天上。為罪者墮惡道。

phu tội phúc hữu nhị quả。chủng phúc giả sanh Thiên thượng。vi tội giả đọa ác đạo。
Vì rằng hai việc tội và phước đều có quả báo của nó, hễ làm phước thì được sanh lên cõi trời, tạo tội thì bị đọa vào đường ác.

是故不當恨何況欲害彼。

thị cố bất đương hận hà huống dục hại bỉ。
Vì vậy ta chẳng cần sân giận huống chi trở lại hại người.

於是須賴即說偈言。

ư thị Tu Lại tức thuyết kệ ngôn。
Lúc đó Tu Lại liền nói Kệ rằng:

夫以種惡栽
Phù dĩ chủng ác tài
Hễ mang tâm tính ác,

故生墮罪類
Cố sanh đọa tội loại
Sanh vào đường xấu ác,

若其種善本
Nhược kỳ chủng thiện bổn
Nếu gốc rễ là thiện,

後必望福果
Hậu tất vọng phúc quả
Quả phước hưởng về sau,

覺惡以諦觀
Giác ác dĩ đế quán
Quán sát điều xấu ác,

當持慧分別
Đương trì tuệ phân biệt
Sẽ đạt Tuệ phân biệt.

惡栽非善本
Ác tài phi thiện bổn
Ác chẳng phải gốc thiện,

種德無惡果
Chủng đức vô ác quả
Tạo đức không quả ác,

守三能無惡
Thủ tam năng vô ác thân
Giữ ba nghiệp không ác,

身口意常善
Khẩu ý thường thiện
Thân miệng ý thường lành,

上人忍無怨
Thượng nhân nhẫn vô oán
Với Thượng nhân không oán,

智者受不犯
Trí giả thọ bất phạm
Người trí giữ không phạm,

除三以清淨
Trừ tam dĩ thanh tịnh
Trừ ba nghiệp thanh tịnh

身口意無瑕
Thân khẩu ý vô hà
Thân miệng ý không nhơ,

勸行福德者
Khuyến hành phúc đức giả
Khuyên người làm điều phước,

得願必常安
Đắc nguyện tất thường an
Được nguyện thường an lạc.

化人不能使國貧。須賴有微害意。於是乃退。

hóa nhân bất năng sử quốc bần。Tu Lại hữu vi hại ý。ư thị nãi thối。
Các hóa nhân không thể làm nước nghèo, và làm cho Tu Lại có tâm ý hại người, bèn rút lui.

天帝釋復以金銀置其前。使化人謂須賴言。

Thiên Đế-thích phục dĩ kim ngân trí kỳ tiền。sử hóa nhân vị Tu Lại ngôn。
Trời Đế-thích lại lấy vàng bạc đem bày ra phía trước, bảo các vị hóa nhân nói với Tu Lại rằng:

仁者取是寶。可用恣意布施作福亦可。

Nhân giả thủ thị bảo。khả dụng tứ ý bố thí tác phúc diệc khả。
Nhân giả hãy cầm lấy bảo vật này, có thể tùy tâm mà bố thí để tạo phước.

好衣美食貧何可堪。須賴言。自我宿行不。

hảo y mỹ thực bần hà khả kham。Tu Lại ngôn。tự ngã túc hành phủ。
Tu Lại đáp rằng: Y phục tốt, thức ăn ngon làm sao có thể bằng được nghèo hèn mà tự biết đủ được chăng?

亦當受斯貧苦。以貪寶妄取。後困必甚。化人言。

diệc đương thọ tư bần khổ。dĩ tham bảo vọng thủ。hậu khốn tất thậm。hóa nhân ngôn.
Nên giữ đạo nghèo khổ, còn hơn tham lam cất giữ của cải sằng bậy, sau rất khốn khổ. Hóa nhân đáp:

且自歡娛快意終身。安知後事。須賴答言。

thả tự hoan ngu khoái ý chung thân。an tri hậu sự。Tu Lại đáp ngôn。
Biết được sự việc về sau như vậy, thà hưởng thụ khoái lạc suốt cuộc đời cho sung sướng. Tu Lại đáp rằng:

此非慧語。或於一身不有遠慮後受大罪。

thử phi tuệ ngữ。hoặc ư nhất thân bất hữu viễn lự hậu thọ Đại tội。
Đây là lời nói không có trí tuệ. Nếu như một đời mà không nghĩ đến sâu xa thì sau phải lãnh lấy tội lớn.

智者所畏。貪得多藏取非其有罪與盜等。智者所恥。

trí giả sở úy。tham đắc đa tạng thủ phi kỳ hữu tội dữ đạo đẳng。trí giả sở sỉ。
Điều mà người trí sợ chính là tham lam cất chứa cho nhiều những thứ phi nghĩa, như thế cũng đồng với tội ăn trộm không khác. Điều mà người trí hổ thẹn,

愛身計壽自保不死。犯不與取智者不為。

ái thân kế thọ tự bảo bất tử。phạm bất dữ thủ trí giả bất vi。

chính là thương tiếc thân mạng rồi cố bảo vệ làm sao cho nó đừng chết. Phạm vào việc lấy của không cho thì kẻ trí không làm.

夫智者計身命無有常萬物非我有。

phu trí giả kế thân mạng vô hữu thường vạn vật phi ngã hữu。
Đã là người trí thì phải biết thân mạng là vô thường, vạn vật đều không có thật ngã,

所貴唯道故無貪諍守善而已。又說偈言。

sở quý duy đạo cố vô tham tránh thủ thiện nhi dĩ。hựu thuyết kệ ngôn。
chỉ quý ở chỗ biết giữ đạo không tham và tranh thủ làm tất cả việc lành. Rồi lại nói kệ rằng:

藏寶至千億
Tạng bảo chí thiên ức
Chứa của báu ngàn ức,

不施死時悔
Bất thí tử thời hối
Không đổi được cái chết,

智者謂是貧
Trí giả vị thị bần
Người trí nói là nghèo,

宜識此至言
Nghi thức thử chí ngôn
Nên xét lại lời ấy,

節食不著味
Tiết thực bất trứ vị
Ăn uống không đắm vị

誠信而好施
Thành tín nhi hảo thí
Thành tín mà bố thí.

有慧慮為富
Hữu tuệ lự vi phú
Có tuệ quán là giàu

佛說是常安
Phật thuyết thị thường an
Phật dạy đó thường an

能止不為惡
Năng chỉ bất vi ác
Không làm các điều ác,

守道中外清
Thủ đạo trung ngoại thanh
Giữ đạo sạch trong ngoài,

無戒而自嚴
vô giới nhi tự nghiêm
Không giới mà tự nghiêm,

已犯斯非賢
Dĩ phạm tư phi hiền
Phạm, chẳng phải Thánh hiền.

當受明為師
Đương thọ minh vi sư
Nhận minh sư làm Thầy,

勿用愚所譽
Vật dụng ngu sở dự
Chớ thích kẻ ngu khen.

愚譽牽入冥
Ngu dự khiên nhập minh
Ngu khen dắt nẽo tối,

師明益近淨
Sư minh ích cận tịnh
Thầy sáng dẫn đường lành.

化人不能使須賴有貪意。即退去。

Hóa nhân bất năng sử Tu Lại hữu tham ý。tức thối khứ。
Hóa nhân không thể làm cho Tu Lại sanh ý tham, nên liền rút lui.

天帝釋復化。持真珠價直數億。詣須賴言。

Thiên Đế-thích phục hóa。trì chân châu giá trực số ức。nghệ Tu Lại ngôn。
Trời Đế-thích lại hóa ra ngọc ngà châu báu giá trị đến số ức, đến chỗ Tu Lại mà nói rằng:

我與人諍訟事聞國王。竊引仁者為證。願以此珠相上。

Ngã dữ nhân tránh tụng sự văn Quốc Vương。thiết dẫn nhân giả vi chứng。nguyện dĩ thử châu tương thượng。
Để tránh cho Quốc vương khỏi nghe sự việc kiện tụng giữa tôi và người ta, nhân giả hãy làm chứng dùm, dẫn tên ăn trộm đến và xin dùng số châu báu này cùng dâng lên, may mắn được giúp cho một lời.

幸助一言。須賴答言。用為說此是我所畏。

hạnh trợ nhất ngôn。Tu Lại đáp ngôn。dụng vi thuyết thử thị ngã sở úy。
Tu Lại đáp: Dùng cái đó để nói những lời này, tôi sợ lắm,

終不敢欺。所以者何。妄言者先為自欺。

chung bất cảm khi。sở dĩ giả hà。vọng ngôn giả tiên vi tự khi。
suốt đời cũng không dám nói. Vì sao vậy? Vì lời nói dối trước tiên là tự dối mình,

次為欺天。亦為欺法。令其口臭。言不見用。

thứ vi khi Thiên。diệc vi khi Pháp。linh kỳ khẩu xú。ngôn bất kiến dụng。
thứ đến là dối Trời, và cũng là dối Pháp, khiến cho miệng bị hôi thối cũng vì không thấy mà nói,

多被誹謗。心恒憔悴。天所不念。

đa bị phỉ báng。tâm hằng tiều tụy。Thiên sở bất niệm
bị nhiều lời phỉ báng, tâm luôn tự dày vò, chỗ Trời không nhớ nghĩ,

身色變福德消善名廢。彼為上世聖賢所撓欺。失德本而生眾惡。

thân sắc biến phúc đức tiêu thiện danh phế。bỉ vi thượng thế Thánh hiền sở nạo khi。thất đức bổn nhi sanh chúng ác。
thân thể bị biến sắc, phước đức bị tiêu hao, tiếng lành bị quên bỏ. Người đó sống ở đời bị Thánh hiền khinh khi chế nhiễu, gốc rễ phước đức đã mất thì phải sanh vào các đường ác.

塞善之路自投邪冥。是為後世招致殃罪。

Tắc thiện chi lộ tự đầu tà minh。thị vi hậu thế chiêu trí ương tội。
Tự mình bít lấp con đường lành, đâm đầu vào nẻo tối, đời sau chịu cảnh tội lỗi tai ương.

又說偈言。

Hựu thuyết kệ ngôn。
Rồi lại nói bài kệ:

眾欺生惡果
Chúng khi sanh ác quả
Dối lừa sanh ác quả,

都已忘前言
Đô dĩ vong tiền ngôn
Đều do trước vọng ngôn

自欺亦欺天
Tự khi diệc khi Thiên
Tự dối cũng dối Trời,

常為眾所疑
Thường vi chúng sở nghi
Thường bị chúng nghi ngờ,

欺為眾惡本
Khi vi chúng ác bổn
Dối là căn bổn ác,

是故致痛聚
thị cố trí thống tụ
Vì vậy khổ hội tụ,

設以滿天下
Thiết dĩ mãn Thiên hạ

自致口常臭
Tự trí khẩu thường xú
Miệng thường bị hôi thối,

入邪無正道
Nhập tà vô chánh đạo
Đi vào con đường tà,

欺法是自怨
Khi Pháp thị tự oán
Dối Pháp là tự oán,

欺詐何益人
Khi trá hà ích nhân
Người dối được ích gì?

自絕善行業
Tự tuyệt thiện hành nghiệp
Tự dứt các nghiệp lành,

妄言何益人
Vọng ngôn hà ích nhân
Người dối ích lợi ai?

金銀珠相與
Kim ngân châu tướng dữ

Bạc vàng cùng châu báu,

Rải đầy khắp thiên hạ,

至守法誡者
Chí thủ Pháp giới giả
Phủ cả lời ngăn cấm,

何時為寶欺
Hà thời vi bảo khi
Thời nào hết khi dối?

化人不能使須賴妄語。即時退去。

Hóa nhân bất năng sử Tu Lại vọng ngữ。tức thời thối khứ。
Hóa nhân không thể làm cho Tu Lại nói dối được, liền rút lui.

天帝釋還語夫人言。汝試將我妓女。

Thiên Đế-thích hoàn ngữ phu nhân ngôn。nhữ thí tướng ngã kĩ nữ。
Trời Đế-thích lại quay qua nói với phu nhân rằng, nàng thử cùng các kỹ nữ của ta

與數琴般遮翼婦俱。見須賴共轉其意壞其清行知有淫無。

dữ sổ cầm bát già dực phụ câu。kiến Tu Lại cộng chuyển kỳ ý hoại kỳ thanh hành tri hữu dâm vô。
mang đàn cầm đi quanh khuyên giải xin được cùng làm vợ. Nếu thấy Tu Lại chuyển ý phá hoại tịnh hạnh thì biết rằng ông ta có tâm dâm dục hay không.

天后受教即從妓女。夜安靜時。

Thiên Hậu thọ giáo tức tòng kĩ nữ。dạ an tĩnh thời。
Thiên hậu nhận lời dạy của Đế-thích, liền cùng các kỹ nữ,

到須賴所住虛空中。作靡麗之辭言。仁者且起。

đáo Tu Lại sở trụ hư không trung。tác mĩ lệ chi từ ngôn。nhân giả thả khởi。
khi đêm về yên lặng, họ kéo nhau đến chỗ Tu Lại rồi đứng giữa hư không mà nói lên những lời hay ho chải chuốt: Mời nhân giả hãy tạm đứng dậy.

天使我曹來侍左右。我曹形容既好。衣裳鮮明。

Thiên sứ ngã tào lai thị tả hữu。ngã tào hình dung ký hảo。y thường tiên minh。
Trời Đế-thích sai chúng tôi đến đây để hầu hạ hai bên ngài. Chúng tôi hình dung đẹp đẽ, áo xiêm tươi sáng,

瓔珞珠寶服栴檀香。不老不少適在上時。

anh lạc châu bảo phục chiên đàn hương。bất lão bất thiểu thích tại thượng thời。
kết đầy cả ngọc ngà châu báu, thơm mùi chiên đàn, không già không trẻ, đang ở độ xuân,

端政皎潔可不瞻視。卿福所致故來相事。

đoan chánh kiểu khiết khả bất chiêm thị。khanh phúc sở trí cố lai tướng sự。
đoan trang, trinh khiết, ai thấy cũng phải thích ngắm nhìn. Phước đức của ngươi đã đến, vì vậy hãy đến đây cùng vui chơi.

須賴仰頭答言。若曹盡是地獄畜生餓鬼所愛。

Tu Lại ngưỡng đầu đáp ngôn。nhược tào tận thị địa ngục súc sanh ngạ quỷ sở ái。
Tu Lại ngẩng đầu lên đáp lại: Nếu nhận hết bầy ngươi là thương cho loài địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh,

非彼天人上智所樂。我見若曹所有。如夢色像香。

phi bỉ Thiên Nhơn thượng trí sở lạc。ngã kiến nhược tào sở hữu。như mộng sắc tượng hương。
người ở cõi trời không phải là chỗ để bậc thượng trí ưa thích. Tôi thấy nếu giữ các người làm sở hữu cũng như giữ sắc huyễn, như giấc mộng, như hương bay,

實如海泡沫。我見若形骨幹。肉塗血澆筋纏。

thật như hải phao mạt。ngã kiến nhược hình cốt cán。nhục đồ huyết kiêu cân triền

như bọt nước trên biển. Hoặc tôi thấy hình hài xương cốt, máu huyết thịt gân, đan qua buộc lại,

革裹皮覆以蔽污露。譬如工師幻人目耳。

cách khoả bì phúc dĩ tế ô triêm。thí như công sư huyễn nhân mục nhĩ。
được che đậy bởi lớp da mềm mại, chẳng khác chi người thợ khéo huyễn dụ tai mắt người.

汝曹上時我見無常。當就壞敗為分離法。

nhữ tào thượng thời ngã kiến vô thường。đương tựu hoại bại vi phân ly Pháp。
Dù các người đang ở tuổi xuân thì, tôi thấy cũng vô thường, cũng phải bị chi phối bởi pháp thành tựu rồi hoại diệt.

罪福我已覺。無毛髮之愛念。若曹實壞人善心。

tội phúc ngã dĩ giác。vô mao phát chi ái niệm。nhược tào thật hoại nhân thiện tâm。
Việc tội phước tôi đây đã hiểu, không có một niệm yêu thương dù nhỏ bằng sợi lông tóc. Nếu các người muốn phá hoại người có thiện tâm,

不能成立人意。但污淨行。若曹即連臭腐。

bất năng thành lập nhân ý。đãn ô tịnh hạnh。nhược tào tức liên xú hủ。
thì không thể được như ý muốn. Không những các người đã tự làm bẩn hạnh thanh tịnh của mình, mà còn phải thân bại danh liệt nữa.

習欲無樂坐致苦痛。自誤墮冥入三惡道。

tập dục vô lạc tọa trí khổ thống。tự ngộ đọa minh nhập tam ác đạo。
Thói quen ham muốn phải chịu khổ luỵ không thể an vui, tự mình lầm lẫn phải đọa lạc vào ba đường ác, tối tăm mờ mịt.

欲非善本。鬪訟恐恚。顛倒濁亂皆從欲起。

Dục phi thiện bổn。đấu tụng khủng nhuế。điên đảo trược loạn giai tòng dục khởi。
Dục là gốc rễ của bất thiện, đấu đá, kiện tụng, sợ hãi, sân giận, điên đảo, tán loạn đều do dục mà sanh khởi.

癡狂致災坐彼形殘。外集內熱不見福果。

Si cuồng trí tai tọa bỉ hình tàn。ngoại tập nội nhiệt bất kiến phúc quả。
Ngu si cuồng loạn, tai họa đưa đến là thân thể bị tàn phế, ngoài thì huân tập trong thì nóng nãy, không thấy quả báo của phước đức,

以亡人本種畜生類。

dĩ vong nhân bổn chủng súc sanh loại。
mất gốc làm người, sau phải làm loài súc sanh

後為牛馬騾驢駱駝犬彘鷄鵝皆欲所致。違遠聖賢亡失信戒聞施慧道。

hậu vi ngưu mã loa lư lạc đà khuyển trệ kê nga giai dục sở trí。vi viễn Thánh hiền vong thất tín giới văn thí tuệ đạo。
như trâu, ngựa, lừa, lạc đà, chó, lợn nái, gà, ngỗng cũng đều do dục mà gây ra.

隨欲一念不顧後世。

tùy dục nhất niệm bất cố hậu thế。
Chỉ chạy theo một niệm ham muốn mà không xét lại đời sau

是欲常壞求道之意何況其餘。即說偈言。

thị dục thường hoại cầu đạo chi ý hà huống kỳ dư。tức thuyết kệ ngôn。
thì nó đã phá hoại ý chí cầu đạo của mình rồi, huống là nhiều hơn. Liền nói lời kệ:

欲污為臭腐 **獨痛遠安樂**

Dục ô vi xú hủ
Dục uế làm thối bẩn,

Độc thống viễn an lạc
Khổ hoài chẳng an vui,

自擲餓鬼罪
Tự trịch ngạ quỷ tội
Rơi vào tội ngạ quỷ,

無慮常附惡
Vô lự thường phụ ác
Theo ác chẳng nghĩ suy,

無便為亂本
Vô tiện vi loạn bổn
Không yên vì gốc loạn,

遠法去就誤
Viễn Pháp khứ tựu ngộ
Xa pháp đến lầm lạc,

不慮致顛倒
bất lự trí điên đảo
Thiếu nghĩ, đến điên đảo

欲盛癡益置
dục thịnh si ích trí
Dục mạnh ngu si tăng,

貪憎失善意
tham tăng thất thiện ý
Tham ghét mất ý lành,

邪念常恐驚
tà niệm thường khủng kinh
Nghĩ quấy thường sợ hãi,

內憂如外朏
Nội ưu như ngoại quật
Trong ngoài đều buồn lo

坐欲亡信根
Tọa dục vong tín căn
Vì dục mất tín căn,

已為不善本
dĩ vi bất thiện bổn
Gốc rễ đã không thiện,

如觳食人肝
Như bạt thực nhân can
Như loài ăn gan người,

居衰事邪神
cư suy sự tà Thần
Suy ở việc tà Thần

為欲如癡狂
vi dục như si cuồng
Vì dục như cuồng si,

淫為牛羊猪
Dâm vi ngưu dương trư
Dâm là trâu, dê, lợn,

驢馬象駱駝
Lư mã tượng lạc đà
Lừa, ngựa, voi, lạc đà,

長受獸形苦
Trường thọ thú hình khổ
Mãi chịu thú cực khổ,

是故慧捨欲
Thị cố tuệ xả dục
Cho nên bỏ dục tuệ,

棄信戒聞德
Khí tín giới văn đức
Bỏ tín, giới, văn, đức,

遠自投惡道
Viễn tự đầu ác đạo
Tự dẫn vào đường ác.

為淫人癡網
Vi dâm nhân si võng
Người dâm sa lưới ngu,

遠女常疾脫
Viễn nữ thường tật thoát
Nên tránh xa người nữ,

如汝好形輩
Như nhữ hảo hình bối
Như hình đẹp các người,

滿此閻浮利
Mãn thử diêm phù lợi
Đầy khắp Diêm phù này,

一心住如山
Nhất tâm trụ như sơn
Một lòng vững như núi,

天神安能傾
Thiên Thần an năng khuynh
Thiên thần sao lay động!

時天后及妓女。不能使貧須賴有淫意。

thời Thiên Hậu cập kĩ nữ。bất năng sử bần Tu Lại hữu dâm ý。
Lúc ấy Thiên hậu cùng với các kỹ nữ, không thể làm cho Tu Lại có ý dâm

即還天宮。為天帝釋說偈言。

tức hoàn Thiên cung。vi Thiên Đế-thích thuyết kệ ngôn。
liền trở lại Thiên cung, vì trời Đế-thích mà nói lời kệ:

子學深見諦
Tử học thâm kiến đế
Kẻ học kia hiểu rộng,

說知女態惡
Thuyết tri nữ thái ác
Biết người nữ xấu ác,

已捨色無欲
Dĩ xả sắc vô dục
Đã xả sắc không dục,

無瘡不受毒
Vô sang bất thọ độc
Không ghẻ chẳng bị độc.

於是天帝益怖衣毛為豎。

Ư thị Thiên đế ích Phố y mao vi thọ。
Thế rồi Thiên đế khoác áo lông lên mình

念是仁者誡淨不邪必奪我處。便自下詣須賴說偈問言。

niệm thị nhân giả giới tịnh bất tà tất đoạt ngã xử。tiện tự hạ nghệ Tu Lại thuyết kệ vấn ngôn。
nghĩ người này giới thể thanh tịnh không có tà quấy, chắc chắn sẽ chiếm đoạt vị thế của ta. Liền xuống trần thế, đến chỗ Tu Lại nói kệ hỏi rằng:

須賴欲求何
Tu Lại dục cầu hà
Tu Lại muốn cầu gì?

誡淨健乃爾
Giới tịnh kiện nãi nhĩ
Ông giữ giới như vậy,

願說望帝王
Nguyện thuyết vọng đế Vương
Xin nói với Đế vương

日月釋梵耶
Nhật nguyệt thích phạm da
Nhật, Nguyệt hay Phạm thiên?

於是須賴答釋偈言。

Ư thị Tu Lại đáp thích kệ ngôn。
Thế rồi Tu Lại đáp Đế-thích với lời kệ:

帝王日月天
Đế Vương nhật nguyệt thiên
Đế vương, cùng nhật nguyệt

釋梵雖為尊
Thích phạm tuy vi tôn
Trời Phạm vương tuy cao

無常皆如幻
vô thường giai như huyễn
Đều vô thường huyễn hóa,

未脫彼何明
vị thoát bỉ hà minh
Chưa thoát sao gọi sáng?

所欲樂不生
Sở dục lạc bất sanh
Nơi ham muốn không sanh,

無有老死患
Vô hữu lão tử hoạn
Không có già bệnh chết,

憎愛怨苦際
Tăng ái oán khổ tế
Yêu ghét, oán khổ mãi,

願度三界人
nguyện độ tam giới nhân
Nguyện độ người ba cõi.

天帝意解欣然大悅。即說偈讚須賴言。

Thiên đế ý giải hân nhiên đại duyệt。tức thuyết kệ tán Tu Lại ngôn。
Lúc đó tâm ý của Đế-thích vô cùng hân hoan phấn khởi, liền nói lời kệ tán thán Tu Lại:

善哉愍世間
Thiện tai mẫn thế gian
Hay thay, người thế nhân,

疾解得如願
Tật giải đắc như nguyện
Mau chóng được như nguyện,

當除三世垢
Đương trừ tam thế cấu
Trừ cấu nhiễm ba cõi,

天人必蒙恩
Thiên Nhơn tất mông ân
Người trời đều nhớ ơn.

於是須賴。經行舍衛城市。

Ư thị Tu Lại。kinh hành Xá-vệ thành thị。

Thế rồi Tu Lại đi dạo vào trong thành Xá-vệ,

便於市中得先劫寶價當是世。即以手持而舉聲言。

tiện ư thị trung đắc tiên kiếp bảo giá đương thị thế。tức dĩ thủ trì nhi cử thanh ngôn。
lượm được một báu vật đã lâu đời, hiện tại vẫn còn giá trị, liền cầm lên mà cất tiếng nói rằng:

今是舍衛國有極貧者。吾以此寶而惠與之。

Kim thị Xá-vệ quốc hữu cực bần giả。ngô dĩ thử bảo nhi huệ dữ chi。
Nay trong nước Xá-vệ có người hết sức nghèo khổ, ta dùng châu báu này mà ban giúp cho họ.

爾時國內有故長者。乃昔富賈合數千人。

Nhĩ thời quốc nội hữu cố Trưởng Giả。nãi tích phú cổ hợp sổ thiên nhân。
Lúc ấy trong nước có một vị Trưởng giả, liền nhóm họp mấy ngàn người giàu có ngày xưa

應機悉走到須賴前。各自陳言。我等困窮惟見矜濟。

ứng ky tất tẩu đáo Tu Lại tiền。các tự trần ngôn。ngã đẳng khốn cùng duy kiến căng tế。
chạy đến đứng quanh trước mặt Tu Lại, mỗi người tự kể lễ: Chúng tôi hết sức khốn khổ, xin hãy mở lòng xót thương.

又有極貧無數之輩。亦皆馳至從乞求寶。

hựu hữu cực bần vô sổ chi bối。diệc giai trì chí tòng khất cầu bảo。
Lại có vô số người nghèo hơn nữa, cũng chạy theo cầu xin của báu.

須賴答言。諸賢不貧。今是城中有貧極者。

Tu Lại đáp ngôn。chư hiền bất bần。kim thị thành trung hữu bần cực giả。
Tu Lại đáp rằng: Chư hiền không phải người nghèo. Nay trong thành này có người rất nghèo.

吾以此寶當往與之。眾人問言。

Ngô dĩ thử bảo đương vãng dữ chi。chúng nhân vấn ngôn。
Ta sẽ dùng số của báu này đến cho người đó. Mọi người cùng hỏi:

觀此城中誰極貧乎。須賴答言。王波斯匿國之最貧。

Quán thử thành trung thùy cực bần hồ。Tu Lại đáp ngôn。Vương Ba-tư-nặc quốc chi tối bần。
Xem thử trong thành này ai nghèo nhất vậy? Tu Lại đáp rằng: Vua Ba-tư-nặc là người nghèo nhất nước.

眾人言。勿宣是語。帝王何常而有貧者。

Chúng nhân ngôn。vật tuyên thị ngữ。đế Vương hà thường nhi hữu bần giả。
Mọi người cùng nói: Chớ nên nói thế, thường là một vị đế vương thì làm sao có việc nghèo khó được.

度王宮藏珍琦不可訾計。須賴以偈答眾人言。

độ Vương cung tạng trân kỳ bất khả tỳ kế。Tu Lại dĩ kệ đáp chúng nhân ngôn。
Ước lượng kho báu ở trong cung vua thì vô số kể. Tu Lại dùng kệ để nói với mọi người rằng:

雖多積財寶
Tuy đa tích tài bảo
Tuy tích chứa nhiều của,

欲得求無厭
Dục đắc cầu vô yếm
Lòng ham cầu không chán,

如水晝夜流

是輩猶為貧

Như thủy trú dạ lưu
Như nước ngày đêm chảy,

Thị bối do vi bần
Do vậy gọi là nghèo.

貪增不念苦
Tham tăng bất niệm khổ
Thường tham không biết khổ,

邪行意不慚
Tà hành ý bất tàm
Làm xấu, ý chẳng thẹn

從此到彼世
Tòng thử đáo bỉ thế
Từ đây đến đời sau,

是為極貧困
Thị vi cực bần khốn
Vậy là nghèo khốn khổ.

於是須賴。與大眾人民俱到王宮門。

Ư thị Tu Lại。dữ Đại chúng nhân dân câu đáo Vương cung môn。
Thế rồi Tu Lại cùng với đại chúng và nhân dân kéo đến cửa Vương cung.

時王波斯匿在正殿。適收五百餘長者。皆當有罪。

Thời Vương Ba-tư-nặc tại chánh điện。thích thu ngũ bách dư Trưởng giả。giai đương hữu tội。
Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc ở tại chánh điện, đang bắt năm trăm vị trưởng giả đều đang chịu tội.

王欲使多出財寶以贖其罪。

Vương dục sử đa xuất tài bảo dĩ thục kỳ tội。
Vua bắt họ phải xuất thật nhiều tiền của châu báu để được chuộc tội.

傍臣白王須賴在外。王即請與相見。須賴入謂王言。

bàng Thần bạch Vương Tu Lại tại ngoại。Vương tức thỉnh dữ tướng kiến。Tu Lại nhập vị Vương ngôn。
Các vị bầy tôi bạch với vua rằng, Tu Lại đang đứng ở bên ngoài chờ. Vua liền cho mời vào. Tu Lại vào cung vua và nói:

我往日經行舍衛城市。得此明月珠意欲與貧者。

Ngã vãng nhật kinh hành Xá-vệ thành thị。đắc thử minh nguyệt châu ý dục dữ bần giả。
Hôm qua tôi đi dạo qua phố của nước Xá-vệ, nhặt được hạt ngọc châu sáng như mặt trăng này, nay muốn cho người nghèo.

觀省此國之極貧者。莫甚於王。願大王受是寶。

quán tỉnh thử quốc chi cực bần giả。mạc thậm ư Vương。nguyện Đại Vương thọ thị bảo。
Xét cho kỹ, người nghèo nhất trong nước này không còn ai nghèo hơn đức vua. Vậy xin đại vương hãy nhận lấy vật báu này.

王聞其言有慚愧色。答言。

Vương văn kỳ ngôn hữu tàm quý sắc。đáp ngôn。
Vua nghe được lời nói như vậy thì có vẻ xấu hổ, và đáp rằng:

須賴我貧熟與卿同。須賴言。王貧甚於我。王言。願說其意。

Tu Lại ngã bần thục dữ khanh đồng。Tu Lại ngôn。Vương bần thậm ư ngã。Vương ngôn。nguyện thuyết kỳ ý。
Tu Lại, ta và hiền giả nghèo kiệt xác giống nhau. Tu Lại đáp: Vua nghèo hơn tôi nhiều. Vua đáp: Xin nói rõ ý này cho trẫm được nghe.

須賴於大眾前。為王說偈言。

Tu Lại ư Đại chúng tiền。vi Vương thuyết kệ ngôn。
Trước mặt mọi người, Tu Lại nói bài kệ:

夫財日夕貪無厭

為君造害後燒痛

Phu tài nhật tịch tham vô yếm
Tham tài vật ngày đêm không chán,

自保不死不惟後
Tự bảo bất tử bất duy hậu
Tự bảo không chết không lo hậu

常有慈心不懈慢
Thường hữu từ tâm bất giải mạn
Thường có từ tâm không biếng nhác

不好多求不畜積
Bất hảo đa cầu bất súc tích
Không ham cầu nhiều, không cất chứa

居位捨正而為非
Cư vị xả chánh nhi vi phi
Ở ngôi bỏ chánh làm phi pháp

在安忘危快所欲
Tại an vong nguy khoái sở dục
Vì lòng ham muốn quên an nguy,

直信清淨識者強
Trực tín thanh tịnh thức giả cường
Chánh tín, thanh tịnh, người thức tĩnh

常知不恐樂在行
Thường tri bất khủng lạc tại hành
Thường biết, không sợ, vui thực hành

夫已富貴不念施
Phu dĩ phú quý bất niệm thí
Bao kẻ giàu sang, quên bố thí,

貪濁迷惑如醉象
Tham trược mê hoặc như túy tượng
Tham lam mê hoặc như voi say,

信佛法眾行恭敬
Tín Phật Pháp chúng hành cung kính
Tin ở Phật Pháp, người cung kính,

不愚不恚不放恣
Bất ngu bất khuể bất phóng tứ
Không ngu, không giận, không phóng túng,

火燒草木不知足
Hỏa thiêu thảo mộc bất tri túc
Lửa đốt cỏ cây không biết đủ,

日月不疲照四域
Nhật nguyệt bất bì chiếu tứ vực
Nhật nguyệt mãi chiếu khắp bốn phương,

火雖盛熱不久燃
Hỏa tuy thịnh nhiệt bất cửu nhiên
Lửa tuy rất nóng, không cháy mãi,

故慧不願天及王
Cố tuệ bất nguyện Thiên cập Vương
Kẻ tuệ nguyện không làm trời, vua,

王波斯匿謂須賴言。誰當證明我貧仁富。

vi quân tạo hại hậu thiêu thống
Làm vua tạo hại, sau thống khổ.

是謂極貧無法行
Thị vị cực bần vô Pháp hành
Ấy gọi cực nghèo không hành pháp

遠色近賢而知足
Viễn sắc cận hiền nhi tri túc
Xa sắc, gần hiền, biết tri túc

是生為智無怨惡
Thị sanh vi trí vô oán ác
Sanh làm người trí không oán ác

以財恐民施刑法
Dĩ tài khủng dân thí hình Pháp
Dùng hình phạt ép dân nạp của

欺人死困悔無及
Khi nhân tử khốn hối vô cập
Dối người chết khổ, không kịp hối,

節如知止聞不忘
Tiết như tri chỉ văn bất vong
Tiết độ, biết dừng, nghe không quên

是謂不貧聖所稱
Thị vị bất bần Thánh sở xưng
Là gọi không nghèo Thánh giả khen.

謂命可常壞在今
Vị mạng khả thường hoại tại kim
Bảo mạng thường còn, nhưng hoại ngay,

意塞不覺是謂貧
Ý tắc bất giác thị vị bần
Ý mờ không biết gọi là nghèo.

恕己安人善教誨
Thứ kỷ an nhân thiện giáo hối
Xét mình khuyên người, khéo dạy dỗ

以法自御為常富
Dĩ Pháp tự ngự vi thường phú
Lấy pháp chế ngự mới thường giàu.

眾流歸海無滿息
Chúng lưu quy hải vô mãn tức
Các sông về biển mãi không đầy.

貪至老死不厭欲
Tham chí lão tử bất yếm dục
Tham lam đến chết cũng còn tham.

富貴無常如浮雲
Phú quý vô thường như phù vân
Giàu sang vô thường như mây nổi,

慧意燒惡無復煙
Tuệ ý thiêu ác vô phục yên
Ý sáng xoá ác không mờ tối.

Vương Ba-tư-nặc vị Tu Lại ngôn。thùy đương chứng minh ngã bần nhân phú。
Vua Ba-tư-nặc bảo với Tu Lại rằng: Ai sẽ làm chứng ta là nghèo, nhân giả là giàu?

須賴答言。大王亦聞。

Tu Lại đáp ngôn。Đại Vương diệc văn。
Tu Lại đáp: Đại vương cũng có nghe,

世有如來至真等正覺明行成為善逝世間解無上士道法御天人師號
thế hữu Như-Lai chí chân đẳng chánh Giác minh hành thành vi thiện thệ thế gian giải Vô-thượng-Sĩ đạo Pháp ngự Thiên Nhơn Sư hiệu
trên thế gian này có một bậc Thầy hiệu là Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự, Thiên Nhân Sư,

佛世尊。所見已諦。能現證要。今者不遠。

Phật Thế tôn。sở kiến dĩ đế。năng hiện chứng yếu。kim giả bất viễn。
Phật, Thế Tôn, chỗ hiểu biết đã đầy đủ, hay hiển hiện để làm chứng cứ. Nay vị ấy ở cách đây không xa,

近在祇樹給孤獨園。王曰。我已厚祿得見此尊。

cận tại Kì-Thọ Cấp cô độc viên。Vương viết。ngã dĩ hậu lộc đắc kiến thử tôn。
gần vườn cây Kỳ-đà và Cấp-cô-độc. Vua nói, tôi đã có phúc dày nên mới gặp được bậc Tôn kính này.

須賴言。是聖師可以為證。王曰。

Tu Lại ngôn。Thị Thánh sư khả dĩ vi chứng。Vương viết。
Tu Lại nói: Vị Thầy kia là bậc Thánh có thể dùng làm chứng. Vua nói:

願請佛來如佛所斷當以為正。於是須賴即說偈言。

nguyện thỉnh Phật lai như Phật sở đoạn đương dĩ vi chánh。ư thị Tu Lại tức thuyết kệ ngôn。
Nguyện thỉnh Phật đến, như Phật có đến sẽ được làm chứng. Bấy giờ Tu Lại liền nói kệ rằng:

佛慧悉遍見
Phật tuệ tất biến kiến
Phật tuệ thấy cùng khắp,

今我意所念
Kim ngã ý sở niệm
Nay ta nhớ nghĩ Ngài,

神通聖無漏
Thần thông Thánh vô lậu
Ngài thần thông, vô lậu,

佛無不定智
Phật vô bất định trí
Trí tuệ Phật kiên định,

常等無憎愛
Thường đẳng vô tăng ái
Bình đẳng không thương ghét,

雖遠在他方
Tuy viễn tại tha phương
Dù có ở cách xa,

我願大王信
Ngã nguyện Đại Vương tín
Tôi xin Đại vương tin,

不須大王請
Bất tu Đại Vương thỉnh
Không đợi đại vương thỉnh,

已見必哀來
Dĩ kiến tất ai lai
Ắt gặp chớ buồn lo.

世作後所受
Thế tác hậu sở thọ
Đời sau đều nương tựa

必來王莫疑
Tất lai Vương mạc nghi
Sẽ đến vua đừng nghi.

愍傷人非人
Mẫn thương nhân phi nhân
Thương tưởng nhân, phi nhân,

但念其法言
Đãn niệm kỳ Pháp ngôn
Chỉ cần nhớ lời Ngài.

佛為慈悲主
Phật vi từ bi chủ
Phật là chủ từ bi,

於是至意念
Ư thị chí ý niệm
Chí tâm mà nhớ nghĩ,

世雄來不久
Thế hùng lai bất cửu
Thế Tôn đến không lâu.

豫出香華寶
Dự xuất hương hoa bảo
Vui mừng rải hoa báu,

珠纓繒蓋幡
Châu anh tăng cái phiên
Anh lạc, lụa, cờ lọng,

眾妓調五音
Chúng kĩ điều ngũ âm
Ngũ âm điệu hợp xướng

供佛當鮮明
cung Phật đương tiên minh
Cúng dường Phật sáng ngời.

須賴即叉手偏袒右肩。下兩膝跪伏地。

Tu Lại tức xoa thủ Thiên đản hữu kiên。hạ lượng tất quỵ phục địa。
Tu Lại liền chắp tay, hở vai bên phải, hai gối quỳ sát đất,

遙向佛說偈言。

dao hướng Phật thuyết kệ ngôn。
hướng về Đức Phật nói lời kệ:

佛悉知人意
Phật tất tri nhân ý
Phật biết hết ý người,

照見諸至誠
Chiếu kiến chư chí thành
Soi thấy lòng chí thành,

願稱聽至意
Nguyện xưng thính chí ý
Xứng nguyện chú tâm nghe,

現神住我前
Hiện Thần trụ ngã tiền
Thần thông hiện trước con.

於是地即大動。佛與五百比丘二百菩薩。

Ư thị địa tức Đại động。Phật dữ ngũ bách bỉ khâu nhị bách Bồ-tát。
Thế rồi mặt đất rung chuyển mạnh, từ trong đất mọc lên một cung điện. Phật cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo, hai trăm vị Bồ-tát,

化從地中出王殿上。釋梵四天王無數百千天。

hóa tòng địa trung xuất Vương điện thượng。thích phạm tứ Thiên Vương vô số bách thiên Thiên。
Phạm thiên, bốn vị vua trời và vô số vị trời khác,

悉從佛而來。王及吏民見佛現神。莫不悚然。

tất tòng Phật nhi lai。Vương cập lại dân kiến Phật hiện Thần。mạc bất tủng nhiên
tất cả theo Phật đến đó. Vua và thần dân thấy Phật hiện thần thông, không hề khiếp sợ

加敬稽首佛足。若干千人。

gia kính kê thủ Phật túc。nhược can thiên nhân。
mà càng thêm cung kính cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật. Lên đến ngàn người,

從敬發意願為菩薩。於是國貧須賴。前禮佛足却住。白佛言。

tòng kính phát ý nguyện vi Bồ-tát。ư thị quốc bần Tu Lại。tiền lễ Phật túc khước trụ。bạch Phật ngôn。
từ chỗ cung kính, họ phát nguyện xin được làm Bồ-tát. Sau đó, Tu Lại, kẻ nghèo hèn trong nước liền đảnh lễ dưới chân Phật rồi đứng lui một bên, mà bạch Phật rằng:

我行此城中得明月金珠。價直一閻浮利。

Ngã hành thử thành trung đắc minh nguyệt kim châu。giá trực nhất diêm phù lợi。
Con đi trong thành, nhặt được một viên ngọc sáng như mặt trăng, có giá trị bằng cả một cõi Diêm phù,

念欲與貧者。觀省是國獨王極貧。所以者何。

niệm dục dữ bần giả。quán tỉnh thị quốc độc Vương cực bần。sở dĩ giả hà。
muốn đem cho người nghèo khó. Xét thấy trong nước, vua là người nghèo khổ nhất. Vì sao vậy?

貪欲無厭。賦檢不息嬈惱不息。

Tham dục vô yếm。phú kiểm bất tức nhiêu não bất tức。
Vì vua ham muốn không biết chán, thu thuế, áp bức, nhiễu loạn dân lành không biết dừng nghỉ.

一國民為疲極迫強役羸。中傷至直。下有勞擾。上為欲縛。

nhất quốc dân vi bì cực bách cường dịch luy。trung thương chí trực。hạ hữu lao nhiễu。thượng vi dục phược。
Dân cùng một nước mà lấy mạnh hiếp yếu, làm hại thẳng thừng, dưới thì cảnh lao nhọc nhiễu nhương, trên thì bị tham muốn trói buộc;

不念非常不順正治。

bất niệm phi thường bất thuận chánh trì。
không nghĩ đến vô thường, không thuận theo điều chánh để trị.

是故我獻此明月珠不肯受。反詰我以貧富之證。是故願見如來。

Thị cố ngã hiến thử minh nguyệt châu bất khẳng thọ。phản cật ngã dĩ bần phú chi chứng。thị cố nguyện kiến Như-Lai。
Vì vậy khi con hiến viên ngọc sáng như mặt trăng này vua đã không chịu nhận lấy, rồi lại hỏi vặn con là lấy gì để chứng minh rằng ông nghèo con giàu. Vì vậy muốn được gặp Như Lai,

無不開導無所不護。析疑除垢願解此義。佛言。

vô bất khai đạo vô sở bất hộ。tích nghi trừ cấu nguyện giải thử nghĩa。Phật ngôn。
mở đường chỉ lối giúp đỡ, nguyện xin Ngài giải nghĩa này để gỡ mối nghi ngờ và trừ đi cấu nhiễm. Phật dạy:

富哉須賴。言語至誠。大王勿疑。王曰。

Phú tai Tu Lại。ngôn ngữ chí thành。Đại Vương vật nghi。Vương viết。
Giàu thay Tu Lại, lời nói hết sức thành thật, đại vương chớ có nghi ngờ. Vua nói:

唯然世尊。以正真之言啟發蒙冥。佛以善權方便。

Duy nhiên Thế tôn。dĩ chánh chân chi ngôn khải phát mông minh。Phật dĩ thiện quyền phương tiện。
Dạ bạch Thế Tôn. Xin Ngài hãy dùng lời chân chánh làm sáng tỏ chỗ tối ấy giúp con. Phật liền khéo léo dùng phương tiện

將護王意現其義言。王且諦聽。

tướng hộ Vương ý hiện kỳ nghĩa ngôn。Vương thả đế thính。
giúp vua hiểu được nghĩa câu nói của Tu Lại, Ngài dạy: Vua hãy lắng nghe.

亦有因緣計王所富。須賴無有。亦有要義計須賴富。

diệc hữu nhân duyên kế Vương sở phú。Tu Lại vô hữu。diệc hữu yếu nghĩa kế Tu Lại phú。
Việc giàu sang của vua kể cũng có nhân duyên, Tu Lại không có. Nói Tu Lại giàu cũng có cái nghĩa chính yếu của nó,

王不能及。所謂王之富者。

Vương bất năng cập。sở vị Vương chi phú giả。

vua không thể sánh kịp. Bảo rằng vua là người giàu có

計有國財金銀璧玉水精瑠璃真珠珊瑚車磲瑪瑙象馬宮殿。

kế hữu quốc tài kim ngân bích ngọc thủy tinh lưu ly chân châu san hô xa-cừ mã não tượng mã cung điện。

là kể ở chỗ vua có quốc tài như vàng bạc, ngọc bích, thuỷ tinh, trân châu, san hô, xà cừ, mã não, voi ngựa, cung điện,

所有饒裕治得自在。此王之富。須賴無有。

sở hữu nhiêu dụ trì đắc tự-tại。thử Vương chi phú。Tu Lại vô hữu。

sở hữu đầy đủ thì việc trị vì được tự tại. Đó là chỗ giàu có của vua mà Tu Lại không có.

當計須賴道德正相。布施戒具忍力精進。

đương kế Tu Lại đạo đức chánh tướng。bố thí giới cụ nhẫn lực tinh tấn。

Nhưng Tu Lại là người có đạo đức chân chánh, có bố thí, có giới thể đầy đủ, có sức nhẫn nhục, tinh tấn,

慧不放逸善行有敘。慈悲喜護愛敬三寶。

tuệ bất phóng dật thiện hành hữu tự。từ bi hỉ hộ ái kính Tam Bảo。

có tuệ, không phóng dật, làm điều lành, có lòng từ bi, hộ trì, thương kính Tam Bảo,

學深意淨直信慚愧。七財滿具。是須賴富。王不能及。

học thâm ý tịnh trực tín tàm quý。thất tài mãn cụ。thị Tu Lại phú。Vương bất năng cập。

có học hiểu sâu xa, ngay thẳng, trong sạch, có tín tâm, biết hổ thẹn, có đủ bảy loại tài sản. Đây là chỗ giàu có của Tu Lại mà nhà vua không thể sánh kịp.

正使大王所部國界。人民悉富如釋摩男。

Chánh sử Đại Vương sở bộ quốc giới。nhân dân tất phú như thích ma nam。

Ngay cả việc lấy tài sản của vua, của các bộ quan lại, nhân dân trong nước và giàu như ông Thích Ma Nam,

合此人財以比須賴道德之富。

hợp thử nhân tài dĩ bỉ Tu Lại đạo đức chi phú。

hợp tất cả tài sản đó lại so với cái giàu về đạo đức của Tu Lại,

百分千分巨億萬分。計所不能及。是不可以譬喻為比。王言。

bách phân thiên phân cự ức vạn phân。kế sở bất năng cập。thị bất khả dĩ thí dụ vi bỉ。Vương ngôn。

trăm phần ngàn phần cho đến vạn ức phần cũng không thể sánh kịp. Nó không thể dùng thí dụ để so sánh được. Vua nói:

善哉善哉。如世尊言。我已有福。

Thiện tai Thiện tai。như Thế tôn ngôn。ngã dĩ hữu phúc。

Lành thay lành thay, như Thế Tôn dạy, con đã có phước.

我國界中乃有持法上富之人。

Ngã quốc giới trung nãi hữu Trì Pháp thượng phú chi nhân。

Trong nước của con có một người giàu về việc trì Pháp.

佛言然亦多有真人在王界內。於時王波邪匿起住佛前。讚須賴言。

Phật ngôn nhiên diệc đa hữu chân nhân tại Vương giới nội。ư thời Vương ba tà nặc khởi trụ Phật tiền。tán Tu Lại ngôn。

Phật dạy, tuy nhiên trong nước của vua cũng còn có nhiều người chân chánh nữa. Lúc ấy, vua Ba-tu-nặc đứng lên đến trước Phật mà tán thán Tu Lại rằng:

我尊仁與佛
Ngã tôn nhân dữ Phật
Tôi kính Người như Phật,

由仁我綺雅
do nhân ngã ỷ nhã
Nhân giả đẹp lòng tôi.

願以國相上
Nguyện dùng nước tướng thượng
Nguyện dùng làm tướng quốc,

自今仁為師
Tự kim nhân vi sư
Từ nay Người làm Thầy.

久已憍慢戒
Cữu dĩ kiêu mạn giới
Từ lâu con kiêu mạn,

坐國遠正法
Tọa quốc viễn chánh Pháp
Làm Vua xa chánh pháp,

今聞須賴語
Kim văn Tu Lại ngữ
Nay nghe Tu Lại dạy,

願詳修梵行
Nguyện tường tu phạm hành
Phạm hạnh xin nguyện trì.

用貪財利故
Dụng tham tài lợi cố
Vì tham lam tài lợi,

怨五百人繫
Oán ngũ bách nhân hệ
Trói buộc năm trăm người,

今赦貪無益
Kim xá tham vô ích
Nay tham bỏ không cầu,

念仁恩難忘
Niệm nhân ân nan vong
Ơn nhân giả khó quên.

於是五百繫人聞王赦其罪。皆念須賴恩。

Ư thị ngũ bách hệ nhân văn Vương xá kỳ tội。giai niệm Tu Lại ân。
Thế rồi năm trăm người có tội bị trói trong thành Vương Xá đều nhớ ân Tu Lại.

厭非常苦得無欲意。悉起禮佛。又禮須賴。

yếm phi thường khổ đắc vô dục ý。tất khởi lễ Phật。hựu lễ Tu Lại。
Tất cả đều chán ghét cái khổ của vô thường, được ý vô dục, cùng khởi thân lễ Phật, rồi lễ Tu Lại.

王意歡喜重讚言。

Vương ý hoan hỉ trùng tán ngôn。
Tâm ý của vua vô cùng hoan hỷ tán thán lần nữa:

仁富我實貧
Nhân phú ngã thật bần
Người giàu, tôi rất nghèo,

須賴言妙真
Tu Lại ngôn diệu chân
Tu Lại nói lời chân,

今下令國中
Kim hạ linh quốc trung
Nay hạ lịnh trong nước,

不得言仁貧
Bất đắc ngôn nhân bần
Không nói Tu Lại nghèo.

國人聞王令後。皆稱須賴為富。無復貧名。

Quốc nhân văn Vương linh hậu。giai xưng Tu Lại vi phú。vô phục bần danh。
Sau khi nghe vua hạ lịnh, mọi người trong thành Xá-vệ đều gọi Tu Lại là giàu, không nói nghèo nữa.

須賴起正衣服。右膝著地叉手白佛言。

Tu Lại khởi chánh y phục。hữu tất trứ địa xoa thủ bạch Phật ngôn。
Tu Lại đứng dậy sửa lại y phục chỉnh tề, quỳ gối bên phải, chắp tay bạch Phật rằng:

今是大眾集會。善哉世尊。願說法語。

Kim thị Đại chúng tập hội。Thiện tai Thế tôn。nguyện thuyết Pháp ngữ。
Hôm nay đại chúng tập họp đầy đủ, lành thay Thế Tôn, nguyện xin Ngài nói Pháp,

使此眾人不空見佛。佛言。善哉聽我所說善思念之。

sử thử chúng nhân bất không kiến Phật。Phật ngôn。Thiện tai thính ngã sở thuyết thiện tư niệm chi。
khiến cho mọi người ở đây đều thấy được Phật. Phật dạy: Lành thay, hãy nghe ta nói và khéo nhớ nghĩ.

有四法族姓子為見佛。何等四。

hữu tứ Pháp tộc tính tử vi kiến Phật。hà đẳng tứ。
Có bốn loại Pháp dành cho mọi người thấy được Phật. Thế nào là bốn?

為信為樂為悅為敬。是為四。復有四法。可得見佛。

Vi tín vi lạc vi duyệt vi kính。thị vi tứ。phục hữu tứ Pháp。khả đắc kiến Phật。
Là tin tưởng, an lạc, vui vẻ, cung kính, đó là bốn. Lại có bốn pháp có thể thấy được Phật.

何等四。已見佛色像便起道意。

Hà đẳng tứ。dĩ kiến Phật sắc tượng tiện khởi đạo ý。
Gì là bốn? Đã thấy hình tướng Phật rồi phải khởi đạo tâm.

自願後世得身如是。以至意思念佛言常至誠。已悲哀諸人物。

tự nguyện hậu thế đắc thân như thị。dĩ chí ý tư niệm Phật ngôn thường chí thành。dĩ bi ai chư nhân vật。
Nguyện cho mình đời sau được thân như vậy. Thường đem tâm tha thiết chí thành để nhớ nghĩ đến lời phật dạy. Đã nghe rồi phải có lòng từ bi thương xót người và vật.

意不復動。已樂所履行不斷三寶。是為四。

ý bất phục động。dĩ lạc sở lý hành bất đoạn Tam Bảo。thị vi tứ。
Ý không được loạn động, khi đã được an lạc rồi không được bỏ Tam bảo. Đó là bốn.

復者四法為覺意。何等四。謂色。痛想行識。

phục giả tứ Pháp vi giác ý。hà đẳng tứ。vị sắc。thống tưởng hành thức。
Lại có bốn pháp làm cho hiểu biết. Gì là bốn? Nghĩa là sắc; thọ, tưởng, hành, thức.

無所視所見轉空。所想即知。是為四。

vô sở thị sở kiến chuyển không。sở tưởng tức tri。thị vi tứ。
Nhìn không có đối tượng để nhìn, thấy không có đối tượng để thấy, tưởng không có đối tượng để tưởng, tất cả chuyển thành không tức là biết. Đó là bốn.

復有四法見佛向淨。何等四。

Phục hữu tứ Pháp kiến Phật hướng tịnh。hà đẳng tứ。
Lại có bốn pháp thấy Phật mà hướng đến thanh tịnh. Gì là bốn?

不計彼我為內外除。不計常在為除壽命。不計斷滅為捨習行。

Bất kế bỉ ngã vi nội ngoại trừ。bất kế thường tại vi trừ thọ mạng。bất kế đoạn diệt vi xả tập hành。
Không kể ta và người trừ ra trong và ngoài, không kể thường còn trừ ra thọ mạng, không kể thường còn trừ ra xả tập,

以佛眼見覺常眠意。是為四。

dĩ Phật nhãn kiến giác thường miên ý。thị vi tứ。
dùng Phật nhãn để thấy biết tâm thường mê muội. Đó là bốn.

復有四法見佛向淨。何等四。一切法無此取。

Phục hữu tứ Pháp kiến Phật hướng tịnh。hà đẳng tứ。nhất thiết Pháp vô thử thủ。
Lại có bốn pháp thấy Phật hướng đến thanh tịnh. Gì là bốn? Tất cả pháp không chấp thủ;

以正定為淨行。已學成無上智。善權見淨脫。是為四。

dĩ chánh định vi tịnh hạnh。dĩ học thành vô thượng trí。thiện quyền kiến tịnh thoát。thị vi tứ。

dùng định chân chánh làm hạnh thanh tịnh;
đã học phải thành bậc trí vô thượng;
khéo dùng phương tiện để có cái thấy giải thoát, thanh tịnh. Đó là bốn.

族姓子族姓女。已見如來為向清淨。佛說是時。

tộc tính tử tộc tính nữ。dĩ kiến Như-Lai vi hướng thanh tịnh。Phật thuyết thị thời。

Các thiện nam tín nữ thấy được Như Lai rồi bèn hướng đến thanh tịnh. Đức Phật dạy thật là đúng lúc,

七百比丘意解無漏。坐中菩薩皆得不起法忍。

thất bách bỉ khâu ý giải vô lậu。tọa trung Bồ-tát giai đắc bất khởi Pháp nhẫn。

có bảy trăm vị Tỳ-kheo ý được giải thoát khỏi lậu hoặc, các vị Bồ-tát tại chỗ ngồi đều được pháp nhẫn.

無數千人皆立德本。佛說經已。便從座起。

vô số thiên nhân giai lập đức bổn。Phật thuyết Kinh dĩ。tiện tòng tọa khởi。

Hàng ngàn người đều an lập ở căn nguyên phước đức. Phật dạy kinh xong, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy,

與諸弟子及諸菩薩。現神飛去如鳳凰王。

dữ chư đệ-tử cập chư Bồ-tát。hiện Thần phi khứ như phượng hoàng Vương。

cùng với chúng đệ tử và chư Bồ-tát, hiện thần thông bay đi như Phượng hoàng vương,

還到祇樹給孤獨園。

hoàn đáo Kì-Thọ Cấp cô độc viên。

trở về vườn cây Kỳ-đà Cấp-cô-độc.

於是王波斯匿謂須賴言。仁者欲詣佛時。

Ư thị Vương Ba-tư-nặc vị Tu Lại ngôn。nhân giả dục nghệ Phật thời。

Lúc đó vua Ba-tư-nặc nói với Tu Lại rằng: Khi nào nhân giả muốn đến chỗ Phật,

願相告勅身欲隨往。須賴言。

nguyện tướng cáo sắc thân dục tùy vãng。Tu Lại ngôn。

xin cho tôi biết để được cùng đến. Tu Lại nói:

亦願大王勅諸後宮太子官屬。并國吏民不詣佛者。

diệc nguyện Đại Vương sắc chư hậu cung Thái-Tử quan chúc。tinh quốc lại dân bất nghệ Phật giả。

Cũng xin đại vương báo cho các hậu cung, thái tử, quan lại, thần dân đều được đến chỗ Phật,

使有司記其罪。所以者何。菩薩不但憂身憂人非人。

sử hữu ti kí kỳ tội。sở dĩ giả hà。Bồ-tát bất đãn ưu thân ưu nhân phi nhân。

để cho họ nhớ lấy cái lỗi của mình. Vì sao như vậy? Vì đã là Bồ-tát thì không những chỉ thương thân mà còn thương người và phi nhân nữa.

菩薩在大眾中威神倍好。王言。

Bồ-tát tại Đại chúng trung uy Thần bội hảo。Vương ngôn。

Như vậy uy thần của Bồ-tát ở trong đại chúng càng tốt đẹp hơn. Vua nói:

願聞菩薩將從大眾。為之奈何。須賴答言。

Nguyện văn Bồ-tát tướng tòng Đại chúng。vi chi nại hà。Tu Lại đáp ngôn。

Xin nghe theo lời Bồ-tát tướng, chẳng nài hà chi. Tu Lại đáp:

一切眾生菩薩皆能合會以為從者。謂以布施眾人樂從。

Nhất thiết chúng sanh Bồ-tát giai năng hợp hội dĩ vi tòng giả。vị dĩ bố thí chúng nhân lạc tòng。
Tất cả chúng sanh và Bồ-tát đều có thể hợp lại làm một bề, nghĩa là bố thí mọi người cùng vui theo

能轉慳者使好布施。菩薩持戒眾人樂從。

Năng chuyển khan giả sử hảo bố thí。Bồ-tát trì giới chúng nhân lạc tòng。
mới có thể chuyển hoá người keo kiệt vui vẻ bố thí. Bồ-tát trì giới mọi người vui theo,

化諸不信令信罪福。菩薩忍辱眾人樂從。

Hóa chư bất tín linh tín tội phúc。Bồ-tát nhẫn nhục chúng nhân lạc tòng。
giáo hóa cho những người không tin tội phước khiến họ được tin. Bồ-tát nhẫn nhục mọi người vui theo,

化諸瞋恚令無結恨。菩薩精進眾人樂從。

Hóa chư sân khuể linh vô kết hận。Bồ-tát tinh tấn chúng nhân lạc tòng。
giáo hóa cho những người có tâm sân giận khiến họ hết oán kết thù hận. Bồ-tát tinh tấn mọi người vui theo,

化諸無勢令建精進。菩薩行禪眾人樂從。

Hóa chư vô thế linh kiến tinh tấn。Bồ-tát hành Thiền chúng nhân lạc tòng。
giáo hóa người chưa tinh tấn khiến được tinh tấn hơn. Bồ-tát hành thiền mọi người vui theo,

化諸亂意令守一心。菩薩智慧眾人樂從。

Hóa chư loạn ý linh thủ nhất tâm。Bồ-tát trí tuệ chúng nhân lạc tòng。
giáo hóa người có tâm tán loạn thành nhất tâm. Bồ-tát có trí tuệ mọi người vui theo,

化諸愚癡令得正智。菩薩行慈眾人樂從。

Hóa chư ngu si linh đắc chánh trí。Bồ-tát hành từ chúng nhân lạc tòng。
giáo hóa người ngu si khiến được chánh trí. Bồ-tát thực hành từ tâm mọi người vui theo,

化諸不仁使有慈心。菩薩行悲眾人樂從。

Hóa chư bất nhân sử hữu từ tâm。Bồ-tát hành bi chúng nhân lạc tòng。
giáo hóa người không có nhân từ khiến cho có từ tâm. Bồ-tát hành bi mọi người vui theo,

入生死苦不厭正行。菩薩行喜眾人樂從。化憂迷者能使樂法。

Nhập sanh tử khổ bất yếm chánh hành。Bồ-tát hành hỉ chúng nhân lạc tòng。hóa ưu mê giả năng sử lạc Pháp。
đi vào khổ sanh tử làm các việc chân chánh không biết chán. Bồ-tát thực hành hỷ xả mọi người vui theo, giáo hóa người sầu lo mê muội khiến cho họ vui với pháp.

菩薩行護眾人樂從。安慰勸助使人入法。

Bồ-tát hành hộ chúng nhân lạc tòng。an uý khuyến trợ sử nhân nhập Pháp。
Bồ-tát làm việc cứu giúp, mọi người vui theo, an ủi, khuyến khích trợ giúp khiến họ đi vào con đường Phật pháp.

如是大王德行非一。又有四事為善受人。

như thị Đại Vương đức hành phi nhất。hựu hữu tứ sự vi thiện thọ nhân。
Như vậy đức hạnh của Đại vương không phải là nhất. Lại có bốn việc là khéo thọ dụng tài vật của người.

一曰護眾生不違捨。二曰眾德本行清淨。

Nhất viết hộ chúng sanh bất vi xả。nhị viết chúng đức bổn hành thanh tịnh。
Một là cứu giúp chúng sanh không lìa bỏ. Hai là gốc các phước đức phải làm cho trong sạch.

三曰擇好願令佛國無三毒。四曰空不願無思想。

tam viết trạch hảo nguyện linh Phật quốc Vô tam độc。tứ viết không bất nguyện vô tư tưởng。
Ba là chọn lấy cái hay tốt tu tập khiến cho nước Phật còn tam độc.
Bốn là không, không nguyện, không tư, không tưởng.

出諸魔網所拘制。菩薩常行柔軟。

xuất chư ma võng sở câu chế。Bồ-tát thường hành nhu nhuyến。
Bồ-tát thường phải mềm mỏng, thoát ra khỏi sự câu thúc cầm giữ của lưới ma,

化諸剛強不忘大乘。樂居山澤。不以毀斷先世福德。

hóa chư cương cường bất vong Đại thừa。lạc cư sơn trạch。bất dĩ hủy đoạn tiên thế phúc đức。
giúp người cang cường không quên đại thừa, thích sống ở núi rừng tịch mịch, không làm hư hoại để mất phước đức đời trước.

善本日增普修眾行。周滿道法三十七品。

thiện bổn nhật tăng phổ tu chúng hành。châu mãn đạo Pháp tam thập thất phẩm。
Gốc thiện ngày một tăng trưởng, rộng tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo,

菩薩以是合取人民。王波斯匿。

Bồ-tát dĩ thị hợp thủ nhân dân。Vương Ba-tư-nặc。
Bồ-tát thì phải sống hòa hợp, gắn bó với nhân dân. Nghe xong, Vua Ba-tư-nặc

欣然大悅善心生焉。王身所著綵衣。價直千萬以上須賴。

hân nhiên Đại duyệt thiện tâm sanh yên。Vương thân sở trứ thải y。giá trực thiên vạn dĩ thượng Tu Lại。
vô cùng hân hoan sung sướng, trên thân đang khoác chiếc áo tơ lụa, giá đáng ngàn vạn, đem khoác lên cho Tu Lại.

須賴不受言。大王意悅與受何異。王意不樂。

Tu Lại bất thọ ngôn。Đại Vương ý duyệt dữ thọ hà dị。Vương ý bất lạc。
Tu Lại không nhận mà nói: Đại vương vui mà cho, nếu nhận có khác gì vua không vui.

須賴復言。我自有管衣著之甚悅。

Tu Lại phục ngôn。ngã tự hữu gian y trứ chi thậm duyệt。
Tu Lại lại nói: Tôi vốn có chiếc áo cỏ gian (cỏ may), mặc vào rất đẹp.

當用是憂衣為。王曰何故。須賴答言。

đương dụng thị ưu y vi。Vương viết hà cố。Tu Lại đáp ngôn。
Cái áo mà vua đang dùng đó là áo sầu lo. Vua nói vì sao? Tu Lại đáp:

我有時脫衣掛樹捨。行一日或至七日。無貪取者。

ngã hữu thời thoát y quải thụ xả。hành nhất nhật hoặc chí thất nhật。vô tham thủ giả。
Tôi có lúc cởi áo treo lên cây rồi bỏ đi từ một ngày cho đến bảy ngày không tham cất giữ nó.

我亦無惜意。不顧望此衣。菩薩常服如此輩衣。

ngã diệc vô tích ý。bất cố vọng thử y。Bồ-tát thường phục như thử bối y。

Tôi không nuối tiếc cũng không lo nghĩ chi đến cái áo này. Bồ-tát phải thường mặc áo như vậy.

既自無著意。又使彼不貪。王曰。願仁愍念。

ký tự Vô trứ ý。hựu sử bỉ bất tham。Vương viết。nguyện nhân mẫn niệm。
Đã tự mình không có tâm đắm trước, lại khiến cho người khác cũng không có sự tham đắm. Vua nói: Xin nhân giả dũ lòng thương xót

足行衣上。使我長夜得福無量。須賴稱王意。

túc hành y thượng。sử ngã trường dạ đắc phúc vô lượng。Tu Lại xưng Vương ý。
bước lên trên áo này, khiến cho con đêm dài được vô lượng phước. Tu Lại muốn vừa lòng vua

為蹈衣上。王曰。此衣已屬須賴。吾將安置。

vi đạo y thượng。Vương viết。thử y dĩ chúc Tu Lại。ngô tướng an trí。
bèn giẫm lên trên áo. Vua nói: Áo này đã thuộc về Tu Lại. Ta sẽ để yên đấy.

須賴答言。大王。宜視此國中形露不蔽者。

Tu Lại đáp ngôn。Đại Vương。nghi thị thử quốc trung hình lộ bất tế giả。
Tu Lại nói: Đại vương nên xem kỹ trong nước có ai không áo quần che thân,

可以衣與之。王即勅左右。持此衣出賜諸貧窮人。

khả dĩ y dữ chi。Vương tức sắc tả hữu。trì thử y xuất tứ chư bần cùng nhân。
có thể đem áo này cho họ. Vua liền ra lịnh hai bên tả hữu đem áo đó cho những người nghèo khổ.

諸貧窮人共得王綵衣。皆歡喜念須賴。

chư bần cùng nhân cộng đắc Vương thải y。giai hoan hỉ niệm Tu Lại。
Những người nghèo trong nước được vua cho áo tơ lụa, đều vui vẻ nhớ ân Tu Lại.

當何以報其恩須賴至意。以佛威神空中有聲。

đương hà dĩ báo kỳ ân Tu Lại chí ý。dĩ Phật uy Thần không trung hữu thanh。
Phật dùng oai thần đứng giữa hư không lên tiếng nói: Nên dùng gì để báo đáp ân ấy của Tu Lại?

而說偈言。

nhi thuyết kệ ngôn。
Rồi nói lời kệ:

不以香華寶
Bất dĩ hương hoa bảo
Không dùng hương hoa báu,

甘快諸美食
Cam khoái chư mỹ thực
Các thức ăn ngon ngọt,

欲報此慈恩
Dục báo thử Từ Ân
Muốn báo từ ân này,

但當起道意
Đãn đương khởi đạo ý
Chỉ nên khởi tâm đạo.

至人不貪貴
chí nhân bất tham quý
Với người không tham quý,

不樂諸奇異
Bất lạc chư kì dị
Không thích các việc khác.

欲報當求佛
Dục báo đương cầu Phật
Muốn báo nên cầu Phật,

大乘四等意
Đại thừa tứ đẳng ý
Đại thừa Bốn vô lượng.

於是須賴。以日跌時與大眾人。

Ư thị Tu Lại。dĩ nhật điệt thời dữ Đại chúng nhân。
Bấy giờ trời xế chiều, Tu Lại cùng đại chúng,

王亦與後宮一切宮屬吏民俱行詣佛。

Vương diệc dữ hậu cung nhất thiết cung chúc lại dân câu hành nghệ Phật。
vua, cũng như tất cả quan lại dân chúng ở hậu cung cùng nhau đi đến chỗ Phật.

是時舍衛清信士清信女。合十億眾。及得賜綵衣貧民。

Thị thời Xá-vệ thanh tín sĩ thanh tín nữ。hợp thập ức chúng。cập đắc tứ thải y bần dân。
Lúc ấy các thiện nam tín nữ trong thành Xá-vệ cả thảy đến mười ức người nghèo đều được vua cho vải lụa,

聞須賴當到佛所。皆悉從行。時天帝釋。

văn Tu Lại đương đáo Phật sở。giai tất tòng hành。thời Thiên Đế-thích。
nghe Tu Lại đến chỗ Phật, tất cả đều muốn đi theo. Lúc ấy, Trời Đế-thích

下從舍衛來至祇樹。

hạ tòng Xá-vệ lai chí Kì-Thọ。
xuống đến thành Xá-vệ cùng tới vườn cây Kỳ-đà,

於中間化作大殿如忉利天宮。化作七寶樹。

ư trung gian hóa tác Đại điện như đao lợi Thiên cung。hóa tác thất bảo thụ。
rồi hóa ra một cung điện lớn ở trong không gian giống như cung điện ở cõi trời Đao Lợi. Lại hóa ra cây bảy báu.

於樹下為佛設師子座方圓自副。以若干種繒敷其上。

ư thụ hạ vi Phật thiết Sư-tử tọa phương viên tự phó。dĩ nhược can chủng tăng phu kỳ thượng。
Dưới cây thiết một tòa sư tử để Phật ngồi, một chỗ khác thấp hơn cho mình, rồi dùng thứ lụa dày trải lên trên các tòa ấy.

令萬二千妓女羅住其邊。作百種音樂。以為供養佛。

linh vạn nhị thiên kĩ nữ la trụ kỳ biên。tác bách chủng âm lạc。dĩ vi cúng dường Phật。
Sau đó, trời Đế-thích sai một vạn hai ngàn kỹ nữ đứng đầy cả hai bên chỗ ấy, đàn lên trăm loại âm nhạc để cúng dường Phật.

佛知大眾具至。即起到大殿。坐天師子座。

Phật tri Đại chúng cụ chí。tức khởi đáo Đại điện。tọa Thiên Sư-tử tọa。
Phật biết đại chúng đã tụ hội đầy đủ, liền đi đến đại điện, ngồi lên trên tòa sư tử.

佛身放光明照天地。空中散華其墮如雨。

Phật thân phóng quang minh chiếu Thiên địa。không trung tán hoa kỳ đọa như vũ。
Thân Phật phóng hào quang chiếu đến cả cõi trời và mặt đất, từ không trung hoa rơi xuống như mưa.

天帝釋告子言拘。或吾為佛設座。

Thiên Đế-thích cáo tử ngôn câu。hoặc ngô vi Phật thiết tọa。
Trời Đế-thích hỏi thúc con trai: Ta đã thiết tòa cho Phật rồi.

汝可為諸菩薩真人作座。太子即化作六萬餘座悉嚴好。

nhữ khả vi chư Bồ-tát chân nhân tác tọa。Thái-Tử tức hóa tác lục vạn dư tọa tất nghiêm hảo。
Bây giờ con hãy thiết tòa ngồi cho các vị Bồ-tát và các chân nhân. Thái tử liền hóa ra hơn sáu vạn tòa ngồi, tất cả đều rất trang nghiêm đẹp đẽ,

以天五綵之氈。已說偈言。

dĩ Thiên ngũ thải chi chiên。dĩ thuyết kệ ngôn。
dùng tơ lụa trời bện lên trên các tòa đó, rồi nói lời kệ:

真人諸菩薩
Chân nhân chư Bồ-tát
Chân nhân, chư Bồ-tát,

願來坐此座
Nguyện lai tọa thử tòa
Xin đến ngồi tòa này,

是化天所樂
Thị hóa Thiên sở nhạc
Biến ra các nhạc trời,

常願會佛前
Thường nguyện hội Phật tiền
Thường nguyện gặp được Phật.

諸菩薩大弟子坐已定。時般遮翼天。
Chư Bồ-tát đại đệ tử tọa dĩ định。thời bát già dực Thiên。
Khi các vị Bồ-tát cùng các đại đệ tử đã ngồi yên định, trời Bàn Già Dực

勅其天人。孚調五百餘琴。令音調好進歌佛須賴。
sắc kỳ Thiên Nhơn。phu điều ngũ bách dư cầm。linh âm điều hảo tiến ca Phật Tu Lại。
ra lịnh cho thiên nhân cùng đeo hơn năm trăm thứ đàn khác nhau, bắt đầu điều khiển âm thanh cho hay, tiến đến ca hát nơi Phật và Tu Lại.

來者必有尊天俱主。我曹當退。即時調諸意。
lai giả tất hữu tôn Thiên câu chủ。ngã tào đương thối。tức thời điều chư ý。
Đến đó đều là những vị Trời có chủ quyền đáng tôn kính cũng đứng lui sau, hợp cùng một ý,

如歌頌言。
như ca tụng ngôn。
rồi ca lời tụng rằng:

智行過百劫
Trí hành quá bách kiếp
Trí hành vượt trăm kiếp,

智盛施無量
Trí thịnh thí vô lượng
Trí thịnh thí vô lượng,

智戒攝身口
Trí giới nhiếp thân khẩu
Trí giới nhiếp thân miệng,

當禮無上聖
Đương lễ vô thượng Thánh
Nên lễ đấng Vô thượng.

人忍無所犯
Nhân nhẫn vô sở phạm
Người nhẫn không chỗ phạm,

精進人力強
Tinh tấn nhân lực cường
Sức tinh tấn mạnh mẽ,

仁開定慧門
nhân khai định tuệ môn
Người mở cửa trí tuệ,

當禮三界雄
Đương lễ tam giới hùng
Nên lễ Thầy ba cõi.

明斷淫怒癡
Minh đoạn dâm nộ si
Khôn đoạn dâm nộ si,

已盡滅無瑕
Dĩ tận diệt vô hà
Diệt tận không tỳ vết,

自得復授彼
Tự đắc phục thụ bỉ
Tự được còn trao người,

當禮天人師
Đương lễ Thiên Nhơn Sư
Nên lễ Thầy trời người.

慧觀除三愛
Tuệ quán trừ tam ái
Tuệ quán trừ tam ái,

不貪世間榮
Bất tham thế gian vinh
Không tham danh thế gian,

恬惔無憂畏
Điềm đàm vô ưu úy
Điềm đạm không lo sợ,

當禮是法王
Đương lễ thị Pháp Vương
Nên lễ đấng vua Pháp.

魔天進三女
Ma Thiên tiến tam nữ

道意不為傾
Đạo ý bất vi khuynh

Ma thiên dâng ba cô,
Không lay nổi đạo tâm,

無著不可污
Vô trứ bất khả ố
Không đắm trước ô trược,
當禮是至清
Đương lễ thị chí thanh
Nên lễ đấng thanh tịnh.

奇相三十二
Kì tướng tam thập nhị
Ba mươi hai tướng đẹp,
好自嚴身
Chúng hảo tự nghiêm thân
Chúng tự trang nghiêm thân,

八聲無不聞
Bát thanh vô bất văn
Nghe hết tám thanh âm,
當禮天中天
Đương lễ Thiên trung Thiên
Nên lễ trời của trời.

行地印文現
Hành địa ấn văn hiện
Bước đi đất in dấu,
無畏威遠震
Vô úy uy viễn chấn
Vô úy, chấn động khắp,

齒齊肩間迴
Xỉ tề kiên gian hồi
Răng cùng vai hướng trước,
當禮釋中神
Đương lễ thích trung Thần
Nên lễ đấng Thích Tôn.

我讚十力王
ngã tán thập lực Vương
Con tán vua mười lực,
檀獨歡喜誠
Đàn độc hoan hỉ thành
Độc tọa thành hoan hỷ

自歸佛得福
Tự quy Phật đắc phúc
Tự nương Phật được phước,
願後如世尊
Nguyện hậu như Thế tôn
Nguyện sau như Thế Tôn.

爾時須賴。從大眾人民。亦若干千天人。

Nhĩ thời Tu Lại。tòng Đại chúng nhân dân。diệc nhược can thiên Thiên Nhơn。
Lúc bấy giờ Tu Lại cùng đại chúng, nhân dân cũng gần cả ngàn trời người.

俱到佛所。皆禮佛足各坐一面。

câu đáo Phật sở。giai lễ Phật túc các tọa nhất diện
cùng đi đến lễ dưới chân Phật rồi mỗi người đứng qua một bên.

王波斯匿與其所從。前禮佛足却住一面。於是王手自取床。

Vương Ba-tư-nặc dữ kỳ sở tòng。tiền lễ Phật túc khước trụ nhất diện。ư thị Vương thủ tự thủ sàng。
Vua Ba-tư-nặc cũng đi theo họ đến chỗ ấy, lễ chân Phật trước rồi đứng qua một bên. Sau đó vua tự tay chỉ vào một tòa ngồi

謂須賴言。願仁坐此座。諸天眾中未見須賴者。

vị Tu Lại ngôn。nguyện nhân tọa thử tọa。chư Thiên chúng trung vị kiến Tu Lại giả。
nói với Tu Lại rằng: Xin mời nhân giả ngồi chỗ này. Trong thiên chúng có người chưa từng thấy Tu Lại,

念是貧人有何功德。而見敬乃如此。

niệm thị bần nhân hữu hà công đức。nhi kiến kính nãi như thử。
nghĩ rằng người nghèo khổ này không biết có công đức gì mà được cung kính như thế?

釋知諸天意言。諸依福者不宜輕是人。所以者何。

Thích tri chư Thiên ý ngôn。chư y phúc giả bất nghi khinh thị nhân。sở dĩ giả hà
Trời Đế-thích biết ý các vị ấy trời và nói: Đó là người có phước đức đáng noi theo, không nên khinh thường họ. Vì sao vậy?

我可為證。是人守戒奉法難及。

Ngã khả vi chứng。thị nhân thủ giới phụng Pháp nan cập。
Ta có thể chứng minh đó là người có giữ giới, và phụng trì Phật pháp, rất khó được gặp,

且待須臾方見其德。須賴欲使諸天意解。即白佛言。

thả đãi tu du phương kiến kỳ đức。Tu Lại dục sử chư Thiên ý giải。tức bạch Phật ngôn。
hãy đợi trong giây lát sẽ biết được công đức ấy. Tu Lại muốn làm cho các vị trời ấy hiểu, liền bạch Phật rằng:

唯願世尊。解說菩薩得威神見敬。

Duy nguyện Thế tôn。giải thuyết Bồ-tát đắc uy Thần kiến kính
Xin Thế Tôn hãy giải thích cho các vị Bồ-tát kia có oai thần thấy được sự cung kính ấy,

至於無上正真之道。是時佛放身光。焰著須賴。

chí ư vô thượng chánh chân chi đạo。thị thời Phật phóng thân quang。diệm trứ Tu Lại。
để đạt đến con đường vô thượng chánh đẳng giác. Lúc ấy, từ thân Phật phóng ra ánh sáng soi chiếu đến Tu Lại.

其形狀踰於天帝百千倍。天意皆悅。知非凡人悉已。

kỳ hình trạng du ư Thiên đế bách thiên bội。Thiên ý giai duyệt。tri phi phàm nhân tất dĩ。
Toàn thân Tu Lại chiếu sáng gấp bội lần trời Đế-thích. Các trời đều rất vui mừng, biết đó không phải là người tầm thường.

天華散其上。佛告須賴。菩薩在貴不以憍慢。

Thiên hoa tán kỳ thượng。Phật cáo Tu Lại。Bồ-tát tại quý bất dĩ kiêu mạn。
Hoa trời rải lên vị ấy. Phật dạy Tu Lại: Bồ-tát quý ở chỗ là không hiện tướng kiêu mạn,

現若卑賤。

hiện nhược ti tiện。
hay có vẻ thấp kém hèn hạ.

能使眾人不貪富貴亦無恨貧是為淨德。其在豪貴能率餘人興布施。

năng sử chúng nhân bất tham phú quý diệc vô hận bần thị vi tịnh đức。kỳ tại hào quý năng suất dư nhân hưng bố thí。
Bồ-tát nên khiến cho người không tham lam giàu sang, cũng không ân hận sự nghèo khó, đó là đức trong sạch. Người nào giàu sang, hào hiệp nên khiến cho họ bố thí nhiều hơn.

意在智現愚。能使愚人疾解智慧。是為淨德。

ý tại trí hiện ngu。năng sử ngu nhân tật giải trí tuệ。thị vi tịnh đức。
Mình có trí tuệ, thấy người ngu, nên giúp cho người ngu chóng hiểu để có trí tuệ, đó là đức trong sạch.

已能制意如汝須賴。示現極貧守戒如法。

dĩ năng chế ý như nhữ Tu Lại。thị hiện cực bần thủ giới như Pháp。
Như Tu Lại đã chế ngự tâm ý của mình đối với ma nữ kia, thể hiện người tuy nghèo khổ nhưng vẫn giữ giới như pháp,

為諸梵志居士眾人所敬。是為清淨知善方便。

vi chư phạm chí cư sĩ chúng nhân sở kính。thị vi thanh tịnh tri thiện phương tiện。

khiến cho Phạm chí, cư sĩ tất cả mọi người đều cung kính, đó là người thanh tịnh, vì khéo biết dùng phương tiện.

賢者阿難白佛言。須賴學來久如。佛告阿難。

Hiền giả A-nan bạch Phật ngôn。Tu Lại học lai cửu như。Phật cáo A-nan。
Hiền giả A-nan bạch Phật rằng: Tu Lại học đến như vậy lâu chưa? Phật dạy A-nan:

其學甚久。已事若干億百千佛。現得三忍博達眾智。

kỳ học thậm cửu。dĩ sự nhược can ức bách thiên Phật。hiện đắc tam nhẫn bác đạt chúng trí。
Vị ấy học đã lâu lắm rồi, và đã từng hầu cận cho trăm ức ngàn vị Phật hiện nay đang được tam nhẫn, hiểu biết xa rộng, đạt đến các loại trí.

順行諸善自見貧鄙。意淨如是。阿難言。

thuận hành chư thiện tự kiến bần bỉ。ý tịnh như thị。A-nan ngôn。
Tu Lại chỉ nguyện thực hành tất cả các việc lành mà tự mình chỉ thấy nghèo hèn thôi, nên ý mới được sự trong sạch như thế. A-nan nói:

今寧有人願求佛者。佛言。欲天七千。

Kim ninh hữu nhân nguyện cầu Phật giả。Phật ngôn。dục Thiên thất thiên。
Trong này ai là người muốn thành Phật? Phật dạy: Trời cõi Dục có bảy ngàn,

色天萬二千。世人數千。皆發無上正真道意。

sắc Thiên vạn nhị thiên。thế nhân sổ thiên。giai phát vô thượng chánh chân đạo ý
Trời cõi sắc có một vạn hai ngàn, thế gian là vài ngàn, tất cả đều muốn phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Giác.

阿難復問須賴久如。當成為佛。佛號為何。

A-nan phục vấn Tu Lại cửu như。đương thành vi Phật。Phật hiệu vi hà。
A-nan hỏi Phật, như Tu Lại về lâu xa có thành Phật không, nếu có thì Phật hiệu là gì,

國土何類。佛為阿難。說此偈言。

quốc thổ hà loại。Phật vi A-nan。thuyết thử kệ ngôn。
quốc độ thế nào? Phật vì A-nan nói lời kệ rằng:

阿難聽我說
A-nan thính ngã thuyết
A-nan nghe Ta nói,

須賴初發義
Tu Lại sơ phát nghĩa
Tu Lại sơ phát tâm,

護人無仇善
Hộ nhân vô cừu thiện
Giúp người không phân biệt,

德廣常大施
Đức quảng thường Đại thí
Đức rộng thường thí lớn,

從始起意來
Tòng thủy khởi ý lai
Từ khởi thuỷ đến nay,

其數難縷陳
Kỳ sổ nan lũ trần
Số ấy không kể xiết,

供養佛無厭
Cung dưỡng Phật vô yếm
Cúng dường Phật không chán,

奉法守不忘
Phụng Pháp thủ bất vong
Phụng pháp chẳng để mất,

學六度無極
Học lục độ vô cực
Học sáu Ba-la-mật,

進道樂久長
Tiến đạo lạc cửu trường
Đường đạo xa vui tiến,

梵行未曾漏
Phạm hành vị tằng lậu
Phạm hạnh chưa nhiễm lậu,

守法慧不傾
Thủ Pháp tuệ bất khuynh
Giữ tuệ pháp chẳng đổi,

所行志念具

覺對立道地

Sở hạnh chí niệm cụ
Chỗ thực hành đầy đủ,

已度眾邪網
Dĩ độ chúng tà võng
Đã vượt lưới tà ngụy,

已捨世八事
Dĩ xả thế bát sự
Xả bỏ tám sự đời,

一切等心視
Nhất thiết đẳng tâm thị
Tâm nhìn bình đẳng cả,

愛法行無倦
Ái Pháp hành vô quyện
Mến pháp làm không mỏi,

愛人如愛己
Ái nhân như ái kỷ
Thương người như thương mình,

愛習悉教彼
Ái tập tất giáo bỉ
Ai người bị ái buộc,

覺意不離法
Giác ý bất ly Pháp
Thông rồi chẳng lìa pháp,

三忍具無念
Tam nhẫn cụ vô niệm
Ba nhẫn được đầy đủ,

所至必開導
Sở chí tất khai đạo
Đường đến ắt khai mở,

所在國邑興
Sở tại quốc ấp hưng
Tại xứ sở hưng thịnh,

宣化如佛意
Tuyên hóa như Phật ý
Trùng tuyên lời Phật dạy,

我般泥曰後
Ngã Bát nê viết hậu
Sau khi Ta niết bàn,

生東可樂國
Sanh Đông khả lạc quốc
Sanh nước Đông Khả Lạc,

餘三阿僧祇
Dư tam a tăng kì
Hơn ba a-tăng-kỳ,

得佛除世邪
Đắc Phật trừ thế tà
Thành Phật trừ tà thế,

自然為神將
Giác đối lập đạo địa
Chỗ hiểu vững tựa đất,

性善覺內事
Tánh thiện giác nội sự
Tính thiện thường giác tĩnh,

利衰毀譽意
Lợi suy hủy dự ý
Khen chê cùng được mất,

如空無罣礙
Như không vô quái ngại
Như không chẳng quái ngại,

守忍慈為常
Ghủ nhẫn từ vi thường
Giữ nhẫn thường hành từ,

棄身安群生
Khí thân an quần sanh
Xả thân vì quần sanh,

念熟說義實
Niệm thục thuyết nghĩa thật
Nói cho hiểu thật nghĩa,

解空導二脫
Giải không đạo nhị thoát
Hiểu "không" thoát nhị đế,

學法知可行
Học Pháp tri khả hành
Học pháp biết hành pháp,

一切蒙其恩
Nhất thiết mông kỳ ân
Tất cả đều nhớ ơn,

輒往到其方
Triếp vãng đáo kỳ phương
Liền đến được bờ kia,

遍教諸天人
Biến giáo chư Thiên nhân
Giáo hóa khắp trời người.

末時須賴終
Mạt thời Tu Lại chung
Đến cuối đời Tu Lại,

阿閦所山方
A-súc sở sơn phương
Về phía núi A-súc,

行滿大願成
Hành mãn Đại nguyện thành
Nguyện lớn sẽ viên mãn,

安隱度十方
An ổn độ thập phương
Độ mười phương an ổn,

號曰世尊王

Tự nhiên vi Thần tướng
Tự nhiên làm thần tướng,

Hiệu viết Thế tôn Vương
Hiệu là Thế Tôn Vương,

始如阿閦佛
Thủy như A-súc Phật
Như Phật A-súc trước,

所度無有量
Sở độ vô hữu lượng
Độ cho vô hạn lượng.

世名德化成
Thế danh đức hóa thành
Đời gọi Đức Hóa Thành,

惡滅善義興
Ác diệt thiện nghĩa hưng
Ác diệt, khéo hưng thịnh,

佛住千萬歲
Phật trụ thiên vạn tuế
Phật trụ ngàn vạn năm,

眾僧不可稱
Chúng tăng bất khả xưng
Chúng Tăng không kể xiết,

彼願羅漢少
bỉ nguyện la hán thiểu
Chúng kia La-hán ít,

求佛者甚眾
cầu Phật giả thậm chúng
Cầu thành Phật nhiều hơn,

時人力神足
Thời nhân lực Thần túc
Thời người đủ thần lực,

精進福行明
Tinh tấn phúc hành minh
Tinh tấn, phước hạnh sáng,

其世五音聲
Kỳ thế ngũ âm thanh
Phật nói năm âm thanh,

佛說法遍聞
Phật thuyết Pháp biến văn
Thế gian đều nghe được,

無有壞善魔
Vô hữu hoại thiện ma
Không có ma phá hoại,

正信脫邪患
Chánh tín thoát tà hoạn
Chánh tín thoát tà tâm.

至佛滅度後
Chí Phật diệt độ hậu
Đến khi Phật diệt độ,

八萬四千人
Bát vạn tứ thiên nhân
Tám vạn bốn ngàn người,

上法興照世
Thượng Pháp hưng chiếu thế
Thượng pháp chiếu thế gian,

令行無訟意
Linh hành vô tụng ý
Thực hành không tranh cãi.

須賴所教化
Tu Lại sở giáo hóa
Số được Tu Lại độ,

多願摩訶衍
Đa nguyện Ma-Ha diễn
Phát nhiều nguyện Đại thừa,

悉會生其世
Tất hội sanh kỳ thế
Cùng sanh trong đời ấy,

不數已度人
Bất số dĩ độ nhân
Không thể tính kể được.

佛拜須賴。時坐中天人鬼龍。
Phật bái Tu Lại。Thời tọa trung Thiên nhân quỷ long。
Phật chúc mừng Tu Lại. Khi ngồi trong số đó có trời, người, quỷ, rồng

各以好衣奉上須賴。歡樂之聲聞於三千。
các dĩ hảo y phụng thượng Tu Lại。hoan lạc chi thanh văn ư tam thiên。
mỗi người đem vải tốt đẹp dâng lên Tu Lại, họ rất hoan lạc. Ba ngàn Thanh văn,

億百千人皆來禮之。佛為廣說若干法要。解三乘行。
ức bách thiên nhân giai lai lễ chi。Phật vi quảng thuyết nhược can Pháp yếu。giải tam thừa hành。
ức trăm ngàn người đều đến lễ Tu Lại. Phật vì họ rộng thuyết pháp chính yếu, giải thích việc làm của Tam Thừa.

王波斯匿避坐叉手。住白佛言。

Vương Ba-tư-nặc tị tọa xoa thủ。trụ bạch Phật ngôn。
Vua Ba-tư-nặc rời chỗ ngồi chắp tay, đứng lên bạch Phật rằng:

我以貪濁為國財醉。憍貴自恣作危殆行。得須賴妙言。

Ngã dĩ tham trược vi quốc tài túy。kiêu quý tự tứ tác nguy đãi hành。đắc Tu Lại diệu ngôn。
Con đã đem tâm tham lam ô trược, say đắm theo tài sản, kiêu căng túng ý, làm nhiều điều nguy hại đến quốc gia. Nay được Tu Lại dạy bảo,

乃自知最為貧。今欲捨家國付太子受世尊戒。

nãi tự tri tối vi bần。kim dục xả gia quốc phó Thái-Tử thọ Thế tôn giới。
con tự biết mình là người nghèo khổ nhất. Nay con muốn xả việc quốc gia này giao phó cho Thái tử, để thụ giới với Thế Tôn,

身為佛比丘僧。守園給使。現在財寶為三分。

thân vi Phật bỉ khâu tăng。thủ viên cấp sử。hiện tại tài bảo vi tam phân。
làm Tỳ-kheo Tăng, giữ trọn sứ mệnh Phật giao phó. Của cải châu báu này chia làm ba phần:

一分奉佛弟子。二分施國人民。三分留為官儲。

Nhất phân phụng Phật đệ-tử。nhị phân thí quốc nhân dân。tam phân lưu vi quan trừ
Phần thứ nhất là dâng cúng Phật và chúng đệ tử. Phần thứ hai là bố thí cho nhân dân trong nước, phần thứ ba là lưu lại cho các quan trong nước.

得蒙佛恩。現身財寶不復貪樂。

Đắc mông Phật ân。hiện thân tài bảo bất phục tham lạc。
Nhờ ân đức Phật, tài sản châu báu đối với thân con bây giờ không còn ham thích gì nữa.

一切是福皆施眾生。願得無上正真道意。

nhất thiết thị phúc giai thí chúng sanh。nguyện đắc vô thượng chánh chân đạo ý。
Tất cả phước đức đều bố thí cho chúng sanh, nguyện chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Giác.

時坐中五百長者居士。五百梵志五百小臣。

Thời tọa trung ngũ bách Trưởng giả, Cư sĩ。ngũ bách phạm chí ngũ bách tiểu Thần
Lúc ấy, ngồi trong hội có năm trăm vị Trưởng giả cư sĩ, năm trăm vị Phạm chí, năm trăm Quan nhỏ,

聞王誓願如師子吼。皆發無上正真道意。

văn Vương thệ nguyện như Sư-tử hống。giai phát vô thượng chánh chân đạo ý。
nghe vua thệ nguyện như tiếng sư tử rống, đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Giác.

一切捨欲以家之信。離家為道欲作沙門。除中三百人。

nhất thiết xả dục dĩ gia chi tín。ly gia vi đạo dục tác Sa-môn。trừ trung tam bách nhân。
Tất cả đều có tín tâm, xả bỏ tham muốn gia đình, lìa xa gia đình để nhập đạo, được làm Sa-môn.

其餘佛悉以為沙門。於是須賴。

Kỳ dư Phật tất dĩ vi Sa-môn。ư thị Tu Lại。
Trừ ba trăm người ra, còn tất cả đều làm Sa-môn đệ tử Phật.

退坐叉手白佛言。已亦願從聖師子。十方諸現在佛。

thối tọa xoa thủ bạch Phật ngôn。dĩ diệc nguyện tòng Thánh Sư-tử。thập phương chư hiện tại Phật。

Bấy giờ Tu Lại lui về chỗ ngồi, chắp tay bạch Phật: Đã theo bậc Thánh Sư tử, nguyện mười phương chư Phật trong hiện tại

求哀作沙門。須賴慧力亦如來所成。便入三昧。

cầu ai tác Sa-môn。Tu Lại tuệ lực diệc Như-Lai sở thành。tiện nhập tam-muội。
thương xót cho con được làm Sa-môn. Tuệ lực của Tu Lại cũng như chỗ thành tựu của các đức Như Lai.

一切十方諸現在佛。皆與其比丘僧俱現。

nhất thiết thập phương chư hiện tại Phật。giai dữ kỳ bỉ khâu tăng câu hiện。
Tất cả Phật hiện tại trong mười phương bèn nhập Tam-muội, đều hiển hiện cho các Tỳ-kheo cùng được thấy.

須賴即起。稽首禮十方佛便為沙門。復求哀言。

Tu Lại tức khởi。kê thủ lễ thập phương Phật tiện vi Sa-môn。phục cầu ai ngôn。
Tu Lại liền đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ mười phương chư Phật liền được thành Sa-môn, lại nói lời cầu ai thương xót rằng:

願諸世尊。哀聽受我使得成立。

Nguyện chư Thế tôn。ai thính thọ ngã sử đắc thành lập。
Nguyện xin các đấng Thế Tôn, nghe lời thương xót mà thọ ký cho con được thành tựu.

十方諸佛及釋迦文。皆伸右臂摩須賴頂。

Thập phương chư Phật cập Thích Ca văn。giai thân hữu tý ma Tu Lại đảnh。
Chư Phật trong mười phương và Phật Thích Ca Văn, đều duỗi cánh tay phải xoa lên đỉnh đầu của Tu Lại.

諸佛臂各自現不相障。是時光明照三千世界。天雨眾華。

chư Phật tý các tự hiện bất tướng chướng。thị thời quang minh chiếu tam thiên thế giới。Thiên vũ chúng hoa。
Mỗi cánh tay của chư Phật tự hiển hiện, không có tướng chướng ngại. Lúc ấy, ánh sáng chiếu đến ba ngàn thế giới, hoa trời rải xuống như mưa.

賢者須賴。自然法衣在身。被服正齊威儀安庠。

hiền giả Tu Lại。tự nhiên Pháp y tại thân。bị phục chánh tề uy nghi an tường。
Hiền giả Tu Lại tự nhiên pháp y khoác lên thân, trang nghiêm tề chỉnh, oai nghi tự tại,

當須賴得拜。時五百比丘漏盡意解。

đương Tu Lại đắc bái。thời ngũ bách bỉ khâu lậu tận ý giải。
Tu Lại rất đáng được tôn kính. Bấy giờ có năm trăm vị Tỳ-kheo lậu hoặc được giải hết,

無餘縛結。千菩薩得信忍。佛告阿難。

vô dư phược kết。thiên Bồ-tát đắc tín nhẫn。Phật cáo A-nan。
không còn bị trói buộc nữa. Một ngàn vị Bồ-tát đắc pháp Tín Nhẫn. Phật dạy A-nan:

受是記拜經奉持之。當為眾人布說其義。所以者何。

thọ thị kí bái Kinh phụng trì chi。đương vi chúng nhân bố thuyết kỳ nghĩa。sở dĩ giả hà。
Hãy thọ trì và chép thành Kinh để cho đời sau phụng trì, nên nói rõ nghĩa này cho khắp mọi người đều được biết. Vì sao vậy?

末世人多在邪信網。吾以是故於中作佛。

mạt thế nhân đa tại tà tín võng。ngô dĩ thị cố ư trung tác Phật。
Đời sau, nhiều người ở trong lưới tà tín, vì vậy Ta ở trong đó làm vị Phật,

化其惡意使見正道。令如須賴。從信入慧。

hóa kỳ ác ý sử kiến chánh đạo。linh như Tu Lại。tòng tín nhập tuệ。
giáo hóa cho người ác ý ấy có cái thấy chân chánh, khiến cho những người như Tu Lại, từ có tín tâm đi vào Tuệ giác.

我於世間周遍說法。一人不度我終不捨。是故阿難。

ngã ư thế gian châu biến thuyết Pháp。nhất nhân bất độ ngã chung bất xả。thị cố A-nan。
Ta thuyết pháp khắp nơi trên thế gian, nếu có một người chưa được độ, suốt đời Ta không xả bỏ. Vì vậy A-nan,

當傳此法令人信樂。終日習聞使意開解。

đương truyện thử Pháp linh nhân tín lạc。chung nhật tập văn sử ý khai giải。
nên truyền pháp này khiến cho người người tin vui, nghe đi nghe lại ý họ sẽ được khai mở,

當從是如得要。佛說經已皆歡喜。須賴比丘。

đương tòng thị như đắc yếu。Phật thuyết Kinh dĩ giai hoan hỉ。Tu Lại bỉ khâu。
cứ theo như vậy thì sẽ được yếu nghĩa. Phật thuyết Kinh xong, Tỳ-kheo Tu Lại,

諸比丘僧。天帝釋及。王波斯匿。天人阿須輪。

chư Tỷ-kheo tăng。Thiên Đế-thích cập。Vương Ba-tư-nặc。Thiên Nhơn a tu luân。
chư Tỷ-kheo Tăng, trời Đế-thích cùng vua Ba-tư-nặc, trời, người, A-tu-la đều rất hoan hỷ,

莫不樂聞。

mạc bất lạc văn。
không ai là không muốn nghe.

佛說須賴經
Phật thuyết Tu Lại Kinh
Phật Thuyết Kinh Tu Lại.
==========

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION http://www.daitangvietnam.com
Nguyên Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyên Hiển Trần Tiễn Huyến Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 21:49:20 2006
==========